

16°
Indoch
1472

NGUYỄN VĂN VINH



THƠ NGŨ-NGÔN

LA FONTAINE

LES FABLES DE LA FONTAINE

Traduites par

Nguyễn Văn Vinh

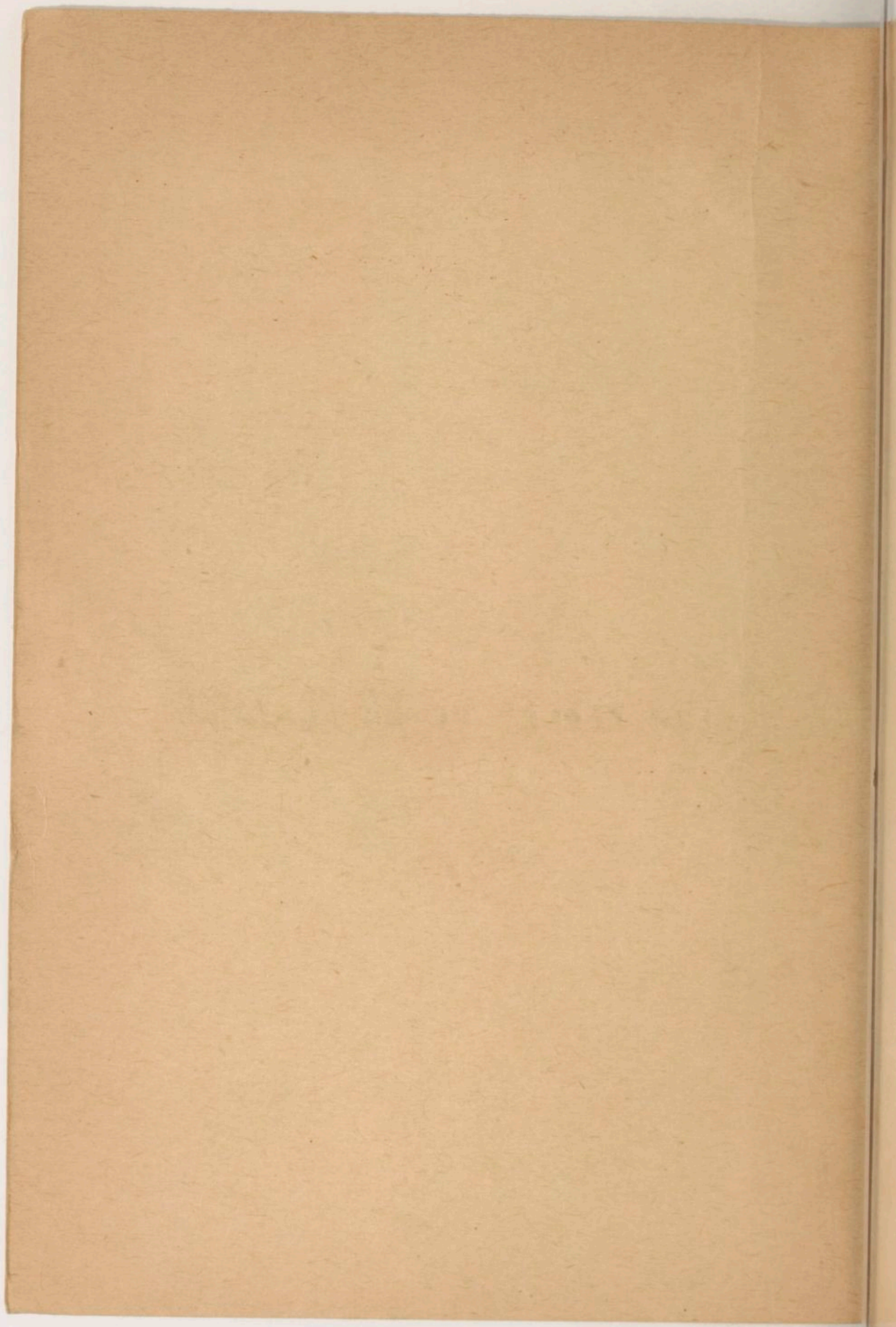
16°
Indochina
1472

Nhà xuất-bản **VĨNH-THỊNH**

63, Lò Sũ — HÀ-NỘI

1951

1472



THƠ NGỤ - NGÔN

LA FONTAINE

Dịch-giả : NGUYỄN VĂN VINH

LES FABLES DE LA FONTAINE

Traduites par

Nguyễn Văn Vinh



Nhà xuất-bản **VĨNH - THỊNH**

63, Lò Sũ — HÀ-NỘI

1951

16° hudo ch
1H72

In đúng theo bản in
Trung - Bắc Tân - Văn
năm 1928.

Lần này in 5.000
quyển, do ông Nguyễn
Giang thỏa - thuận và
kiểm-soát lại bản xếp
chữ trước khi cho in.

Tiểu-sử
ông La Fontaine

LA FONTAINE.— Ông Jean de la FONTAINE sinh tại Château-Thierry năm 1621, chết tại Paris năm 1695. Cụ thân-sinh ra ông vốn làm kiểm-lâm, trước định cho ông đi học để làm nhà thầy, song ông không có đủ tư-cách theo đạo tu-hành, cho nên lại bỏ trường nhà dòng mà học khoa hình-luật. Cha thấy tính bông-lông bèn lấy vợ và nhường chức kiểm-lâm cho, nhưng ông La Fontaine không phải là một bậc quan-lại hoàn-toàn tư-cách, mà cũng chẳng phải là một người giữ được gia-đạo. Sau bỏ cả chức và quên cả vợ. Nguyên ông La Fontaine có ba tật, khiến nên người gia-trưởng rất xấu, một là tật mê gái, hai là tật biếng-lười, ba là tật hay làm thơ.

Thích làm thơ từ thuở 22 tuổi. Về sau gặp được quan hộ-bộ Fouquet là một người quyền-thế to, lắm của, mà lại hay hậu-đãi những người hay chữ và có tài, mới cấp cho ông La Fontaine mỗi năm 1000 livres. Cứ ba tháng một kỳ lĩnh tiền, bắt phải vịnh một bài thơ làm biên-lai.

Từ lúc ông La Fontaine yên được nơi ăn chốn ở, mới làm ra những thơ này, dị-thường như trò đùa bỡn, mà xem ra nghĩa-lý sâu sắc vô cùng, ngày nay ở bên nước Pháp lấy làm sách học, ai ai đều biết thuộc lòng.

Mấy lời của dịch-giả

Tập dịch-văn này tôi làm ra kể đã lâu năm lắm rồi, khi còn ít tuổi, chưa làm văn vần bao giờ, mà đọc qua thơ *La Fontaine* cũng phải cảm-hứng, chấp-chảnh nên vần, tuy lắm câu văn còn lắc-cắc lắm, nhưng các bạn độc-giả, cũng nhiều ông xét quá rộng cho là dụng công dịch lấy đúng. Đúng đây là đúng cái tinh-thần, chứ không có nề gì những chữ hồ đòi làm sư-tử, cái gậy đòi ra con chó, khiến cho những người thất-mắt được một cuộc vui, ngồi soi-bói từng câu từng chữ, mà kể được ra có ba bốn chỗ dịch lăm.

Những chỗ sai lăm đó, trong bản in này cũng xin cứ đề nguyên không dám chữa. Lại in thêm cả nguyên-văn tiếng Pháp ra cho ai nấy có thể khảo xét.

Nguyễn Văn Vĩnh

THƠ NGŨ - NGÔN

LA FONTAINE

Les Fables

DE

LA FONTAINE

TRADUITES PAR

NGUYỄN VĂN VINH

La Cigale et la Fourmi

La Cigale ayant chanté
tout l'été,

Se trouva fort dépourvue,
Quand la bise fut venue ;
Pas un seul petit morceau
De mouche ou de vermisseau ;
Elle alla crier famine
Chez la fourmi sa voisine,
La priant de lui prêter
Quelque grain pour subsister
Jusqu'à la saison nouvelle.

« Je vous paierai, lui dit-elle,
Avant l'ôût, foi d'animal,
Intérêt et principal ».

La fourmi n'est pas prêteuse ;
C'est là son moindre défaut.

« Que faisiez-vous au temps chaud ?

THƠ' NGŨ-NGÔN

LA FONTAINE

DỊCH-GIẢ

Nguyễn Văn Vĩnh

Con Ve và con Kiến (1)

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè,
Đến kỳ gió bắc thổi,
Nguồn cơn thật bối-rối.
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con.
Vác miệng chịu khúm-núm,
Sang chị kiến hàng-xóm.
Xin cùng chị cho vay,
Giảm ba hạt qua ngày.
— Từ nay sang tháng hạ,
Em lại xin đem trả.
Trước thu, thề Đất Trời !
Xin đủ cả vốn lời.
Tính Kiến ghét vay cậy,
Thói ấy chẳng hề chi.
— Nặng ráo chú làm gì ?

(1) Bài này dịch theo điệu tây văn tây.

Dit-elle à cette emprunteuse.

— Nuit et jour, à tout venant,

Je chantais, ne vous déplaîse.

— Vous chantiez ? J'en suis fort aise.

Et bien dansez maintenant ».



Le petit poisson et le pêcheur

Petit poisson deviendra grand,

Pourvu que Dieu lui prête vie ;

Mais le lâcher en attendant,

Je tiens, pour moi, que c'est folie :

Car, de le rattraper, il n'est pas trop certain.

Un carpeau qui n'était encore que fretin,

Fut pris par un pêcheur au bord d'une rivière.

« Tout fait nombre, dit l'homme, en voyant son butin ;

Voilà commencement de chère et de festin ;

Mettons-le en notre gibecière ».

Le pauvre carpillon lui dit en sa manière :

« Que feriez-vous de moi ? je ne saurais fournir

Au plus qu'une demi-bouchée ?

Laissez-moi carpe devenir :

Je serai par vous repêchée.

Quelque gros partisan m'achètera bien cher ;

Au lieu qu'il vous en faut chercher

Pêut-être encor cent de ma taille

Kiến hỏi Ve như vậy.

Ve rằng :

— Luôn đêm ngày,

Tôi hát, thiệt gì bác ?

Kiến rằng :

— Xưa chú hát !

Nay thử múa coi đây.



Con cá nhỏ và người đánh cá

Miễn là cá sống dưới hồ,

Cỏn-con cũng có ngày to kếch-xù.

Nhưng mà cá đã cắn cu (*câu*),

Thả ra tôi nghĩ còn ngu nào tầy !

Mỗi chốc câu lại được ngay.

Cá chép nọ lúc ngày còn nhỏ,

Mắc lưới câu anh nọ bên sông.

Người rằng :

— Thôi cũng là xong,

Chẳng chi cũng miếng ở trong đĩa đây,

Sao bằng ta bỏ ngay vào rổ.

Cá chép con lại nỏ mồm kêu :

— Thân tôi phỏng được bao nhiêu.

Chẳng qua nửa miếng là nhiều chứ chi ?

Xin ông đợi đến khi tôi lớn,

Tôi lại đây để đón ông câu.

Đất tiền cũng có người thâu (*mua*),

Chẳng hơn cá oắt phải câu hàng nghìn.

Mà hồ để đã nên một đĩa,

Pour faire un plat. Quel plat? croyez-moi, rien qui vaille.
 — Rien qui vaille? Et bien! soit, repartit le pêcheur;
 Poisson, mon bel ami, qui faites le prêcheur,
 Vous irez dans la poêle; et vous aurez beau dire,
 Dès ce soir on vous fera frire».

Un tiens vaut, ce dit-on, mieux que deux tu l'auras,
 L'un est sûr, l'autre ne l'est pas.

Le loup et le chien

Un loup n'avait que les os et la peau,
 Tant les chiens faisaient bonne garde.
 Ce loup rencontre un dogue aussi puissant que beau,
 Gras, poli, qui s'était fourvoyé par mégarde.
 L'attaquer, le mettre en quartiers,
 Sire loup l'eût fait volontiers.
 Mais il fallait livrer bataille,
 Et le matin était de taille
 A se défendre hardiment.
 Le loup donc l'aborde humblement,
 Entre en propos, et lui fait compliment
 Sur son embonpoint qu'il admire.
 « Il ne tiendra qu'à vous, beau Sire,
 D'être aussi gras que moi, lui repartit le chien.
 Quittez les bois, vous ferez bien :
 Vos pareils y sont misérables,

Ăn chua mồm thắm thía vào dâu.

Người rằng :

— Dầu chẳng thắm dâu,
 Hỏi anh cá oắt ra mầu khôn-ngoan,
 Thôi anh hãy khoan khoan lời tán,
 Bữa chiều nay tạm rán ăn chơi.
 Gà chuồng ai thả đuổi chơi,
 Biết dâu cá nước chim trời mà tin.

Chó rừng và chó giữ nhà

Chó rừng kia xương ngoài da bọc,
 Bởi chó nhà săn-sóc trông nom,
 Bữa kia gặp một chó xồm,
 Tròn quay béo mượt, phải hôm chạy quàng.
 Chó rừng cũng tính choang một mẻ,
 Vồ anh kia mà xé thịt ra.

Ngặt rằng chó lớn thực-thà,
 Ví bằng đấu sức ai đã dám đoan
 Rằng chó rừng quyết toan được trận,
 Sơn-câu ta đành phận khiêm-cung.

Lại gần rử-rỉ nói cùng,
 Khen anh chó nọ mượt lông đẩy mình.

Chó rằng :

— Ví tiên-sinh muốn vậy,
 Có khó chi việc ấy mà thềm.

Ngài nên từ chốn sơn-nham,
 Là nơi kham khó ở làm chi đây.

Cancres, hères et pauvres diables,
 Dont la condition est de mourir de faim.
 Car quoi ! Rien d'assuré ; point de franche lippée :
 Tout à la pointe de l'épée.
 Suivez-moi, vous aurez un bien meilleur destin ».

Le loup reprit : « Que me faudra-t-il faire ?
 — Presque rien, dit le chien, donner la chasse aux gens
 Portant bâtons et mendiants ;
 Flatter ceux du logis, à son maître complaire ;
 Moyennant quoi votre salaire
 Sera force reliefs de toutes les façons :
 Os de poulets, os de pigeons,
 Sans parler de mainte caresse ».

Le loup déjà se forge une félicité
 Qui le fait pleurer de tendresse.
 Chemin faisant il vit le col du chien pelé.
 « Qu'est-ce là ? lui dit-il. — Rien. — Quoi rien ?
 [— Peu de chose.
 — Mais encor ? — Le collier dont je suis attaché
 De ce que vous voyez est peut-être la cause.
 — Attaché ? dit le loup ; vous ne courez donc pas

Gày lổ thịt một dây cùng kiết,
 Các ông dây thắm-thiết đói còi.

Được bữa hôm khó bữa mai,
 Tháng ngày chăm chăm miệng nhai vẫn thèm,
 Cứ theo ta thử xem một chuyến.

Chó rùng bèn gạ chuyện một khi :

— Muốn được vậy, phải làm gì ?

Đáp rằng :

— Công việc khó chi đâu mà :

Đồ rách-rưới đi qua cửa ngõ,

Thì sủa ran đuổi nó đi xa ;

Ngày ngày nịnh hót chủ nhà,
 Vẫy đuôi mừng rỡ ai mà chẳng thương.

Chỉ có vậy bữa thường cơm cháo,

Thịt cùng gà xương-xấu thiếu chi.

Lại còn chủ mển vuốt - ve.

Chó rùng ưng vậy theo đi nửa đường.

Chợt nom thấy một khoang cồ chó.

Hỏi khoang gì, thì nó chối không.

Hỏi đi hỏi lại kỳ cùng,

Cho ra cái vết trụi lông là gì.

Chó một mực lì lì chẳng nói :

— Cái vật này, ngài hỏi làm chi ?

Tái tam hỏi lại hỏi đi.

Thì ra vết xích còn ghi rành rành.

— Chết nỗi! thế ra anh phải buộc !

Muốn chạy dong không được hay sao ?

Où vous voulez ? — Pas toujours ; mais qu'importe ?

— Il importe si bien que de tous vos repas

Je ne veux en aucune sorte,

Et ne voudrais pas même à ce prix un trésor ».

Cela dit, maître loup s'enfuit, et court encor.

Le loup et le chien maigre

Autrefois Carpillon fretin

Eut beau prêcher, il eut beau dire :

On le mit dans la poêle à frire.

Je fis voir que lâcher ce qu'on a dans la main,

Sous espoir de grosse aventure,

Est imprudence toute pure.

Le pêcheur eut raison ; Carpillon n'eut pas tort.

Chacun dit ce qu'il peut pour défendre sa vie.

Maintenant il faut que j'appuie

Ce que j'avançai lors de quelque trait encor.

Certain loup, aussi sot que le pêcheur fut sage,

Trouvant un chien hors du village,

S'en allait l'emporter ; le chien représenta

Sa maigreur : « J'à ne plaise à votre seigneurie

De me prendre en cet état-là ;

Attendez : mon maître marie

Chó rãng :

— Buộc mãi đâu nào,
Họa là mới xích chẳng bao lâu mà.

— Dẫu chẳng mấy cũng là phải xích,
Cái tự-do, gì thích cho tầy !

Thôi thôi, mặc bữa no say,
Ngàn vàng hồ để sánh tầy thành-thời !

Chó rãng chạy riết một thôi.

Chó rãng và chó giữ nhà còn

Mới rồi kể chuyện cá con,
Kêu-ca tán-tụng nỉ-non hết lời,

Mà sau cũng phải vào nôi.

Con gà đã nhốt chuồng rồi chó tha

Thả ra mà đuổi ai mà,

Dại ngậy vô giá, thực là nên chê.

Người khôn cá chẳng dại gì,

Thủ-thân là nghĩa, ai thì chẳng siêng.

Giải cho nghĩa ấy phân miêng,

Nên đem chuyện nữa kể thêm sau này :

Chó rãng kia mới dại thay !

Gặp muông gia-cầu ở ngay cổng làng.

Đã toan quắp lấy gọn-gàng,

Nỏ mồm chó lại kêu van còn gày :

— Xin ngài hãy xá thân này,

Đề chờ ông chủ tháng này cưới con.

Sa fille unique ; et vous jugez
 Qu'étant de noce, il faut malgré moi que j'engraisse ».
 Le loup le croit, le loup le laisse ;
 Revient voir si son chien n'est point meilleur à prendre.
 Mais le drôle était au logis.
 Il dit au loup par un treillis :
 « Ami, je vais sortir ; et, si tu veux attendre,
 Le portier du logis et moi
 Nous serons tout à l'heure à toi ».
 Ce portier du logis était un chien énorme,
 Expédiant les loups en forme.
 Celui-ci s'en douta. « Serviteur au portier »,
 Dit-il. Et de courir. Il était fort agile ;
 Mais il n'était pas fort habile :
 Ce loup ne savait pas encor bien son métier.



L'âne vêtu de la peau du lion

De la peau du lion l'âne s'étant vêtu
 Était craint partout à la ronde ;
 Et, bien qu'animal sans vertu,
 Il faisait trembler tout le monde.
 Un petit bout d'oreille échappa par malheur,
 Découvrit la fourbe et l'erreur.
 Martin fit alors son office.
 Ceux qui ne savaient pas la ruse et la malice

Cô tôi gặp hội đào-non,
Bụng này no béo chẳng còn thiếu chi.
Chớ rùng tin vậy tha đi,
Cách chừng mấy bữa rồi thì lại sang.
Xem gày hay béo cho tương,
Ai hay chớ lẫn gặm giường nọ ra.
Cách trong bờ giậu nói qua :
— Đợi đây một lát tôi ra đây giờ.
Anh bằng lại có lòng chờ,
Cả anh Thủ-hộ cũng đưa ra chào.
Thủ-hộ là chớ dữ sao,
Chớ rùng vùng ấy con nào cũng kinh.
Anh kia nghe vậy biết tình,
Chào qua Thủ-hộ chạy nhanh vô rừng.
Đã nhanh mà đại vô chừng,
Sài-lang mà lại chưa từng mưu gian.



Con Lừa đội lốt Sư-tử

Con Lừa kia đội da Sư-tử,
Khắp một vùng tưởng dữ đều kinh.
Tuy rằng là vật đáng kinh,
Mà ai cũng sợ oai linh con lừa.
Rủi phải khi tai thò một mẩu,
Lòi ngay ra diên-đảo khi-man.
Chớ kia chạy đuổi sủa ran,
Làm cho ai nấy nổi cơn tức cười.

S'étonnaient de voir que Martin
 Chassât les lions au moulin.
 Force gens font du bruit en France
 Par qui cet apologue est rendu familier.
 Un équipage cavalier
 Fait les trois quarts de leur vaillance.



**La grenouille qui veut se faire aussi grosse
 que le bœuf**

Une grenouille vit un bœuf
 Qui lui sembla de belle taille.
 Elle, qui n'était pas grosse en tout comme un œuf,
 Envieuse, s'étend, et s'enfle, et se travaille,
 Pour égaler l'animal en grosseur,
 Disant : « Regardez bien, ma sœur,
 Est-ce assez ? Dites-moi. N'y suis-je point encore ?
 — Nenni. — M'y voici donc ? — Point du tout. —
 [M'y voilà ?
 — Vous n'en approchez point ». La chétive pécore
 S'enfla si bien qu'elle creva.

Cách giả-hình mấy người cả biết,
 Thấy mãnh-sư chạy riết trong đồng,
 Thì ai cũng lấy lạ-lùng,
 Mãnh-sư đề chó đuổi cùng thế nhưng?
 Xét lắm kẻ lấy lừng trong cõi,
 Cũng chẳng qua giả-dối như lừa.
 Nghênh-ngang hống-hách gió mưa,
 Chẳng qua đội lốt đề lừa người ngây.



Con Nhái muốn to bằng con Bò

Con Nhái nom thấy con Bò,
 Hình-dung đẹp-đẽ, mình to béo tròn.
 Nhái bằng quả trứng tí-hon
 Lại toan cố sức bằng con bò vàng.
 Ngậm hơi, cổ bạnh, bụng trương;

Kêu:

— Chị em đến xem tường cho ta.
 Đã bằng chưa, chị trông, nà!

Bạn rằng:

— Còn kém. — Nhái đà phồng thêm;

Hỏi rằng:

— Được chưa, chị em?

Bạn rằng:

— Chưa được; phồng thêm ít nhiều.

— Chị ơi! còn kém bao nhiêu?

Bạn rằng:

— Còn phải phồng nhiều. Kém xa!

Tức mình, chị Nhái oắt ta

Lại phồng bụng quá vỡ ra chết liền.

Le monde est plein de gens qui ne sont pas plus sages :
Tout bourgeois veut bâtir comme les grands seigneurs,
Tout petit prince a des ambassadeurs,
Tout marquis veut avoir des pages.



Le loup et la cigogne

Les loups mangent gloutonnement.
Un loup donc, étant de frairie,
Se pressa, dit-on, tellement
Qu'il en pensa perdre la vie :
Un os lui demeura bien avant au gosier.
De bonheur pour ce loup, qui ne pouvait crier,
Près de là passe une cigogne.
Il lui fait signe, elle accourt.
Voilà l'opératrice aussitôt en besogne.
Elle retira l'os ; puis, pour un si bon tour,
Elle demanda son salaire.
« Votre salaire ? dit le loup,
Vous riez, ma bonne commère.
Quoi ? ce n'est pas encor beaucoup
D'avoir de mon gosier retiré votre cou ?
Allez, vous êtes une ingrate :
Ne tombez jamais sous ma patte »,

Ở đời lắm kẻ thật điên,
 Sức hèn lại muốn tranh tiên với người.
 Đại thay những thói đua đời!
 Vinh gì cuộc rượu trận cười mà ganh.
 Để cho cơ-nghiệp tan-tành.



Con Chó rừng và con Cò

Chó rừng tham ăn hay nuốt vôi,
 Nhân một khi vui hội anh em,
 Miếng ngon đương lúc miệng thèm,
 Chưa trôi miếng gỏi đã thêm miếng đầu.
 Phải cái xương mắc sâu trong họng,
 Phúc mười đời Cò bỗng đi qua.
 Chó rừng mới gật chị ta,
 Đến ngay thò mỏ gắp ra một hòn.
 Xong công việc, Cò còn tính giá,
 Chó rừng đã chẳng trả tiền công,
 Lại còn ơn vố như không :
 — Đầu mày trong cổ họng ông mới rồi.
 Đã thoát khỏi thì thôi, phúc-đức !
 Lại chữa mừng còn chực đòi công.
 Bội ơn! cút thẳng cho xong,
 Chớ hể đến trước mặt ông mà ngầy !

La Poule aux œufs d'or

L'avarice perd tout en voulant tout gagner.
 Je ne veux, pour témoigner,
 Que celui dont la poule, à ce que dit la fable,
 Pondait tous les jours un œuf d'or.
 Il crut que dans son corps elle avait un trésor.
 Il la tua, l'ouvrit et la trouva semblable
 A celles dont les œufs ne lui apportaient rien,
 S'étant lui-même ôté le plus beau de son bien.
 Belle leçon pour les gens chiches :
 Pendant ces derniers temps combien en a-t-on vus
 Qui du soir au matin sont pauvres devenus,
 Pour pouvoir trop tôt être riches.

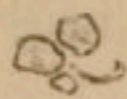


Les voleurs et l'âne

Pour un âne enlevé deux voleurs se battaient ;
 L'un voulait le garder, l'autre le voulait vendre.
 Tandis que coups de poing trottaient,
 Et que nos champions songeaient à se défendre,
 Arrive un troisième larron,
 Qui saisit maître Aliboron.
 L'âne, c'est quelquefois une pauvre province.
 Les voleurs sont tel et tel prince,
 Comme le Transylvain, le Turc et le Hongrois :
 Au lieu de deux j'en ai rencontré trois.

Con gà đẻ trứng vàng

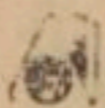
Tham thì thâm, cồ-nhân dạy thế,
 Lấy chuyện gà ra để răn đời,
 Đem câu bịa đặt kể chơi:
 Mỗi hôm gà nọ đẻ rơi trứng vàng.
 Chủ ngõ có bảo-tàng trong bụng,
 Mồ phăng ra chắc cũng mau giàu.
 Ai ngờ có cóc chi đâu,
 Gà thường cũng vậy, khác nhau chút nào,
 Chủ biết đại, kêu gào tiếc của;
 Làm gương soi cho đũa tham-tâm.
 Mới đây có kẻ nghĩ lầm:
 Được mười lại muốn ngay trăm ngay nghìn.
 Trơ ra hết nhẫn ngồi nhìn.



Hai thằng ăn trộm với con lừa

Vị con lừa, của vừa ăn trộm,
 Hai đũa gian đánh lộn cùng nhau,
 Thằng này muốn để về sau,
 Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền.
 Khi hai cậu huyên-thiên ấu-đả,
 Anh đấm đau, anh đá cũng già,
 Xây thằng ăn cắp thứ ba
 Ở đâu lại phỗng lừa ta tàu liền.
 Con lừa đó như in một xứ
 Mấy ông vua tranh cự cùng nhau,

Il est assez de cette marchandise.
 De nul d'eux n'est souvent la province conquise ;
 Un quart voleur survient qui les accorde net
 En se saisissant du baudet.



Le lièvre et la tortue

Rien ne sert de courir ; il faut partir à point :
 Le Lièvre et la Tortue en sont un témoignage.
 « Gageons, dit celle-ci, que vous n'atteindrez point
 Si tôt que moi ce but. — Si tôt ? Êtes-vous sage ?

Repartit l'animal léger.

Ma commère, il vous faut purger
 Avec quatre grains d'ellébore.

— Sage ou non, je parie encore »

Ainsi fut fait ; et de tous deux

On mit près du but les enjeux :

Savoir quoi, ce n'est pas l'affaire,

Ni de quel juge l'on convint.

Notre Lièvre n'avait que quatre pas à faire,
 J'entends de ceux qu'il fait lorsque, près d'être atteint,
 Il s'éloigne des chiens, les renvoie aux calendes

Et leur fait arpentir les landes.

Ayant, dis-je, du temps de reste pour brouter,

Pour dormir et pour écouter

D'où vient le vent, il laisse la Tortue

Tự dưng người ở đâu đâu,
Cướp phăng xú ấỵ, đem câu giảng hòa.
Thế là trơ mắt thỏ ra.

Con Thỏ và con Rùa

Đi cho sớm, việc gì tất-tả,
Chuyện Thỏ Rùa nghĩ đã hay thay!
Rùa kia gọi Thỏ bảo :

— Này,

Thì cùng ta chạy từ đây qua đường.

Thỏ bảo Rùa :

— Chị thường hóa đại!

Hãy uống xong thuốc tây vài liều,

Họa chẳng ta có nhận keo.

Rùa càng thách tợn giải treo thật nhiều.

Thỏ tức khí bao nhiêu cũng dặt ;

Đem giải kia mà dặt bên đường.

Những gì lọ kể dài-dang ;

Ai ngồi chủ cuộc, phân tường, nói chi.

Thỏ ra sức chỉ đi ba bước,

Là đến nơi lấy được như không.

Vội chi mà chẳng thông-dong,

Vừa đi vừa bõn cũng không chậm gì.

Đứng gặm cỏ, có khi cũng sớm,

Mặc kệ Rùa, Thỏ hợm ta đây.

Chàng - dàng chân dép chân giầy,

Trong khi Rùa nọ ai hay vội-vàng.

Aller son train de sénateur.

Elle part, elle s'évertue,

Elle se hâte avec lenteur.

Lui cependant méprise une telle victoire,

Tient la gageure à peu de gloire,

Croit qu'il y va de son honneur

De partir tard. Il broute, il se repose,

Il s'amuse à tout autre chose

Qu'à la gageure. A la fin, quand il vit

Que l'autre touchait presque au bout de la carrière,

Il partit comme un trait ; mais, les élans qu'il fit

Furent vains : la Tortue arriva la première.

« Eh bien ! lui cria-t-elle, avais-je pas raison ?

De quoi vous sert votre vitesse ?

Moi, l'emporter ! Et que serait-ce

Si vous portiez une maison ? »



Le coq et le renard

Sur la branche d'un arbre était en sentinelle

Un vieux coq adroit et matois.

« Frère, dit un renard adoucissant sa voix,

Nous ne sommes plus en querelle :

Paix générale cette fois.

Je te viens l'annoncer ; descends que je t'embrasse.

Ne me retarde point de grâce :

Je dois faire aujourd'hui vingt postes sans manquer.

Biết thân nặng lại càng cố gắng ;
Cứ từ-từ đảo cẳng bước lên.

Sá chi thân phận Rùa hèn,
Thỏ càng đứng-đỉnh ở bên vệ đường,
Nhường chạy trước thêm càng danh-giá ;
Muốn lúc nào mà chả đến nơi ;
Vừa đi, vừa nghỉ, vừa chơi,
Nghe hơi gió thổi, xem trời kéo mây.
Rùa thấm-thoát đến ngay trước đích ;
Thỏ vội-vàng một mạch chồn chân.

Nhưng mà chưa được đến gần,
Thì Rùa đã tới nơi ăn giải rồi.
Lại còn nhieć một hồi : — Chú Thỏ,
Đã bảo mà, nhanh có làm chi !
Ví chẳng nhà cũng đội đi.
N hư ta đây nữa, chú thì bước sao ?



Con Gà - trống và con Hồ - ly

Trên cành cây con Gà-trống đậu,
Đã khôn-ngoan lại láu việc đời.
Hồ - li đến ngọt mấy lời :
—Đôi ta hết giận, tới thời hòa-an.
Nay trong khắp thế-gian thân-ái,
Tình anh em tôi lại thừa anh.
Xuống đây hôn cái tỏ tình ;
Trăm nơi còn phải chạy nhanh mới cùng.

Les tiens et toi pouvez vaquer
 Sans nulle crainte à vos affaires ;
 Nous vous y servirons en frères.
 Faites-en les feux dès ce soir ;
 Et cependant viens recevoir
 Le baiser d'amour fraternelle.

— Ami, reprit le coq, je ne pouvais jamais
 Apprendre une plus douce et meilleure nouvelle
 Que celle
 De cette paix..

Et ce m'est une double joie
 De la tenir de toi. Je vois deux lévriers
 Qui, je m'assure, sont courriers
 Que pour ce sujet on envoie.

Ils vont vite, et seront dans un moment à nous.
 Je descends, nous pourrons nous entrebaiser tous.
 — Adieu, dit le renard, ma traite est longue à faire ;
 Nous nous réjouissons du succès de l'affaire

Une autre fois». Le galant aussitôt
 Tire ses grègues, gagne au haut,
 Mal content de son stratagème ;
 Et notre vieux coq en soi-même
 Se mit à rire de sa peur :

Car c'est double plaisir de tromper le trompeur, .

Rầy mặc sức vầy - vùng đi lại,
 Tôi với anh hết hại lẫn nhau.
 Từ đây anh chớ lo âu,
 Khi nào có việc muốn cầu đến em,
 Gọi một tiếng ngày đêm cũng lại,
 Xuống đây hôn gọi ngái đồng-bào.

Gà rằng :

— Măng rở xiết bao !
 Tin này biết lấy cách nào tỏ vui ?
 Lời anh nói thì tôi thêm trọng.
 Kia ngó xa thấy bóng chó săn,
 Hai anh đương chạy tới gần,
 Ý chừng cũng một tin thân-ái này.
 Đợi tôi đó xuống ngay lập tức,
 Để bốn ta cùng được hôn nhau...

Hồ-li nghe chữa dứt câu,
 Vội-vàng một mạch cầm đầu chạy nhanh.
 — Thôi anh nghĩ để dành khi khác,
 Kẻo em còn chạy các nơi xa.

Nói rồi cẳng bốn chân ba,
 Nghĩ mưu không dặt, Hồ ta giận mình.
 Gà thấy hấn thất-kinh đặc-ý :
 Lừa thẳng gian thích-chí dường bao !

Le geai paré des plumes du paon

Un paon muait, un geai prit son plumage,
 Puis après se l'accommoda,
 Puis parmi d'autres paons tout fier se panada,
 Croyant être un beau personnage.
 Quelqu'un le reconnut : il se vit bafoué,
 Berné, sifflé, moqué, joué,
 Et par messieurs les paons plumé d'étrange sorte ;
 Même, vers ses pareils s'étant réfugié,
 Il fut par eux mis à la porte.
 Il est assez de geais à deux pieds comme lui
 Qui se parent souvent des dépouilles d'autrui,
 Et que l'on nomme plagiaires.
 Je m'en tais, et ne veux leur causer nul ennui :
 Ce ne sont pas là mes affaires.



Le cochon, la chèvre et le mouton

Une chèvre, un mouton, avec un cochon gras,
 Montés sur même char, s'en allaient à la foire.
 Leur divertissement ne les y portait pas ;
 On s'en allait les vendre, à ce que dit l'histoire.
 Le charbon n'avait pas dessein
 De les mener voir Tabarin.
 Dom Pourceau criait en chemin

Sáo mượn lông Công

Công đòi lông, Sáo liền nhặt lấy,
 Đem lên mà cắm bậy vào mình :
 Cùng công đi diện vung-vinh ;
 Coi trong bộ-tịch có tình khoe-khoang.
 Đàn công thật biết chàng giả-mạo,
 Xúm nhau vào báng nhạo một phen ;
 Đánh cho một trận huyền-thiên ;
 Mồ cho trụi đến lông đen của mình.
 Sáo bấy giờ nghĩ tình đồng-loại,
 Về bọn nhà, chúng lại đuổi đi.
 Ngẫm xem trong bọn văn-thi,
 Biết bao tài mượn, thiếu chi tá - gà.
 Dầu thế vậy, đây ta mặc sức,
 Nói làm chi cho cực lòng người.



Con Lợn, con Dê-cái và con Cừu

Con Dê, con Cừu, con Lợn béo,
 Cùng một xe đương kéo qua đường.
 Chủ nào có phải vì thương,
 Đem ra chơi chợ coi phường leo-dây ;
 Hay là dắt đi đây đi đó,
 Để cho coi phường-phổ thị - thành.

Comme s'il avait eu cent bouchers à ses trousses.
C'était une clameur à rendre les gens sourds.

Les autres animaux, créatures plus douces,
Bonnes gens, s'étonnaient qu'il criât au secours ;

 Ils ne voyaient nul mal à craindre.

Le charbon dit au porc : « Qu'as tu tant à te plaindre ?
Tu nous étourdis tous. Que ne te tiens-tu coi !
Ces deux personnes-ci, plus honnêtes que toi,
Devraient t'apprendre à vivre, ou du moins à te taire.
Regarde ce mouton : a-t-il dit un seul mot ?

 Il est sage. — Il est un sot,

Repartit le cochon : s'il savait son affaire,
Il crierait comme moi du haut de son gosier,

 Et cette autre personne honnête.

 Crierait tout du haut de sa tête.

Ils pensent qu'on les veut seulement décharger,
La chèvre de son lait, le mouton de sa laine.

 Je ne sais pas s'ils ont raison,

 Mais, quant à moi, qui ne suis bon

 Qu'à manger, ma mort est certaine,

 Adieu mon toit et ma maison. »

Dom Pourceau raisonnait en subtil personnage ;

Chẳng qua đem bán cho nhanh,
 Nó tham lời lãi chớ tình-nghĩa chi.
 Lợn ý-éc một khi ỏm-tỏi
 Ngõ trăm dao nó đuổi theo sau.

Dê, Cừu chẳng vỡ vì dâu,
 Mà kêu nhức óc vầng đầu người ta.

Hỏi:

— Cớ chi mà la thế vậy?

Thử im mồm nằm đấy xem sao?

Chủ-nhân nổi giận ào-ào,

Mắng Heo vô cớ kêu gào điếc tai:

— Kìa bắt chước như hai gã nọ.

Cứ ở yên phủng có mất gì?

Con Cừu ngậm miệng lì-lì,

Khôn ngoan rất mực ai thì không yêu.

Heo bèn đáp:

— Lựa theo thẳng ngốc.

Tôi đây nào phải học chú cừu.

Ví chẳng Cừu biết phận Cừu,

Thì Cừu chắc hẳn lo ưu mấy lần.

Còn dê nọ an thân nằm đó,

Cũng chẳng qua là họ ngừ-sì,

Hai thẳng này ngõ có khi,

Gọt lông và sữa vắt đi là cùng.

Có lẽ thế là xong phận họ.

Còn tôi đây thân nọ đã đành:

Chỉ đem nướng chả, nấu canh.

Sống mà cái chết vẫn dành một bên.

Mais que lui servait-il ? Quand le mal est certain,
 La plainte ni la peur ne changent le destin ;
 Et le moins prévoyant est toujours le plus sage.



L'âne et le petit chien

Ne forçons point notre talent :
 Nous ne ferions rien avec grâce.
 Jamais un lourdaud, quoi qu'il fasse,
 Ne saurait passer pour galant.

Peu de gens que le Ciel chérit et gratifie
 Ont le don d'agréer infus avec la vie.

C'est un point qu'il leur faut laisser,
 Et ne pas ressembler à l'âne de la fable,

Qui, pour se rendre plus aimable
 Et plus cher à son maître, alla le caresser,

« Comment ! disait-il en son âme,
 Ce chien, parce qu'il est mignon,

Vivra de pair à compagnon

Avec monsieur, avec madame.

Et j'aurais des coups de bâton ?

Que fait-il ? Il donne la patte,

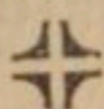
Puis aussitôt il est baisé.

S'il en faut faire autant afin que l'on me flatte,

Cela n'est pas bien malaisé »,

Dans cette admirable pensée,

Cho nên phải khóc rên râm-rĩ.
 Ngẫm Heo ta thâm-thúy lạ dường.
 Nhưng mà dẫu thét cừng dường,
 Chết đành vẫn chết ai thương dẫu mà.
 Biết cam thân phận mới là.



Con Lừa và con Chó-con

Tài tự-nhiên, xin ai chớ ép,
 Gượng nên công có đẹp mẽ gì ?
 Mấy đời những đũa ngu-si,
 Làm ra mặt thiệp nó thì nên duyên.
 Ai cũng mển là thiên-chi-phó,
 Bẩm-sinh ra sẵn có mấy người.
 Ai tài thì cũng mặc ai,
 Lừa ngu chuyện nọ là bài dạy khôn.
 Gã lừa ấy đến hôn ông chủ ;
 Nghĩ thầy ta há phụ không yêu !
 Chó kia phỏng lớn bao nhiêu,
 Ông, bà bữa sớm bữa chiều cho ăn.
 Lại có lúc quá thân hôn-hít ;
 Lại có khi quẩn-quít xoa đầu.
 Trò-vè phỏng có chi đâu ;
 Chỉ giờ chiếc vó, gâu-gâu một hồi.
 Đùa bỡn có thể thôi mà quý.
 Còn ta đây động tí thì đòn.
 Rầy ta há lại chẳng khôn ;
 Cũng làm như rứa phỏng còn khó chi.

Voyant son maître en joie, il s'en vient lourdement,
 Lève une corne toute usée,
 La lui porte au menton fort amoureusement,
 Non sans accompagner, pour plus grand ornement,
 De son chant gracieux cette action hardie.
 « Oh ! oh ! quelle caresse et quelle mélodie !
 Dit le maître aussitôt. Holà ! Martin - bâton. »
 Martin - bâton accourt ; l'âne change de ton.
 Ainsi finit la comédie.



Le Cochet, le Chat et le Souriceau

Un souriceau tout jeune, et qui n'avait rien vu,
 Fut presque pris au dépourvu.
 Voici comme il conta l'aventure à sa mère :
 « J'avais franchi les monts qui bornent cet Etat,
 Et trottais comme un jeune rat
 Qui cherche à se donner carrière,
 Lorsque deux animaux m'ont arrêté les yeux ;
 L'un doux, bénin et gracieux.
 Et l'autre turbulent et plein d'inquiétude.
 Il a la voix perçante et rude,
 Sur la tête un morceau de chair,
 Une sorte de bras dont il s'élève en l'air
 Comme pour prendre sa volée,
 La queue en panache étalée. »

Nhân thấy chủ đương khi đặc-ý,
Lừa ta bèn rử-rỉ đến bên :

Móng chân cùn-cụt đưa lên,
Vuốt cằm ông chủ mà rên một hồi.

Chủ vội thét: Lừa toi! quái lạ!

Đem gậy đây sửa gã một phen.

Nói rồi cằm gậy đả liền,

Đề lừa rối-rít như điên như cuồng.

Thế là thôi hết tấn tuồng.



Con Gà-trống non, con Mèo và con Chuột-nhất

Chuột-nhất xưa nay quanh xó cửa,

Ra khỏi nhà bỡ-ngỡ một phen.

Về khoe với mẹ huyên-thiên :

— Con qua rặng núi đến miền biên-cương ;

Con chạy nhặng khác đường chuột lớn,

Đi dong chơi hung-tợn khắp đường.

Nơi kia con gặp hai chàng ;

Một chàng phúc-hậu đường-đường khôi-ngô.

Chàng kia thì tiếng to mà dữ,

Bộ hung-hăng, nghiêng-ngửa mặt mày :

Trên đầu cục thịt đỏ gay,

Hai tay vung-vẫy như bay lên trời ;

Xòe nan quạt, đuôi thời to tướng,

Khiếp, khiếp chưa ! hình-dạng kỳ-khôi !

Chuột con kể chuyện lôi-thôi,

Or c'était un cochet dont notre souriceau
Fit à sa mère le tableau
Comme d'un animal venu de l'Amérique.
« Il se battait, dit-il, les flancs avec ses bras,
Faisant tel bruit et tel fracas
Que moi, qui, grâce aux dieux, de courage me pique,
En ai pris la fuite de peur,
Le maudissant de très bon cœur.
Sans lui j'aurais fait connaissance
Avec cet animal qui m'a semblé si doux.
Il est velouté comme nous,
Marqueté, longue queue, une humble contenance ;
Un modeste regard et pourtant l'œil luisant :
Je le crois fort sympathisant
Avec messieurs les rats, car il a des oreilles
En figure aux nôtres pareilles.
Je l'allais aborder, quand d'un son plein d'éclat,
L'autre m'a fait prendre la fuite.
— Mon fils,, dit la souris, ce doucet est un chat.
Qui, sous son minois hypocrite,
Contre toute ta parenté
D'un malin vouloir est porté.
L'autre animal, tout au contraire,
Bien éloigné de nous mal faire,
Servira quelque jour, peut-être à nos repas.

Tưởng chừng vật lạ xa-xôi đâu về !

Ai ngờ chú Hùng-kê chính đấy,

Chuột-nhất ta nom thấy hải-hùng.

— Hai tay phanh-phạch vẫy-vùng.

Con xưa nay vốn thị-hùng mà ghê.

Đuôi quắp dít chạy về một mạch,

Miệng chửi thăm thề ketch đến già.

Ví chăng không gặp hấn ta,

Thì con hấn tiếp được nhà hiền kia,

Lông bóng nhoáng, râu-ria đường-bệ.

Đuôi lại dài, tam-thể trên mình.

Lừ-đừ coi bộ hiền-lành ;

Duy đôi mắt liếc long-lanh khác thường,

Cùng giống chuột nghe dường ái-mộ,

Y như ta cũng có hai tai,

Lại gần con đã kiếm bài,

Làm quen với hấn, một hai thân-tình,

Thằng nợ bất-thình-linh lên giọng :

Kéc-ke-ke ! trong họng kêu ra.

Vội-vàng con phải lánh xa.

Thử-bà nghe nói, nghĩ mà sỗn lông :

— Chết con ạ ! chớ trông ngoài mã.

Bộ hiền-lành chính gã Miêu-nhi,

Xưa nay độc-ác gian-phi,

Cùng nòi nhà chuột, nó thì hại luôn.

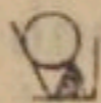
Con gà nợ thì con há sợ :

Hấn cùng ta có nợ xưa nay.

Đã không làm hại nhà mày,

Mà thường giống chuột lại hay ăn gà !

Quant au chat, c'est sur nous qu'il fonde sa cuisine.
 Garde-toi, tant que tu vivras,
 De juger des gens sur la mine. »



Le renard et les raisins

Certain renard gascon, d'autres disent normand,
 Mourant presque de faim, vit au haut d'une treille,
 Des raisins mûrs apparemment
 Et couverts d'une peau vermeille.
 Le galant en eût fait volontiers un repas ;
 Mais, comme il n'y pouvait atteindre :
 « Ils sont trop verts, dit-il, et bons pour des goujats. »
 Fit-il pas mieux que de se plaindre ?



La laitière et le pot au lait

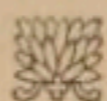
Perrette, sur sa tête ayant un pot au lait
 Bien posé sur un coussinet,
 Prétendait arriver sans encombre à la ville.
 Légère et court vêtue, elle allait à grands pas,
 Ayant mis, ce jour-là, pour être plus agile,
 Cotillon simple et souliers plats.
 Notre laitière ainsi trousseée
 Comptait déjà dans sa pensée

Thằng mèo nó coi ta như gỏi,
 Hại loài mình mòn-mỏi đã lâu.
 Đổ lòng, xanh vỏ có câu,
 Con lên ghi lấy về sau đừng lầm.



Chó sói và giàn nho

Chó sói kia ở nơi rừng ấy,
 Đương đói lòng lại thấy giàn nho.
 Mấy chùm vừa chín vừa to,
 Nước da đỏ thắm, thơm-tho ngọt-ngào.
 Cậu sói cũng ước ao được bữa.
 Nhưng giàn cao không vớ đến nơi.
 Chê-bai sói lại được lời :
 —Nho xanh chẳng xứng miệng người phong-lưu.



Truyện cô hàng sữa

Cô Bê-rét đi mang liễn sữa,
 Kê đệm bông để giữa đỉnh đầu.
 Chắc rằng kẻ - chợ xa đâu,
 Nhẹ-nhàng thoăn-thoắt chẳng âu ngại gì.
 Chân hôm ấy thì đi dép một,
 Váy xấu cao ton-tót bước nhanh.
 Gọn-gàng mà lại thêm xinh ;
 Vừa đi vừa tính phân-minh từng đồng ;

Tout le prix de son lait, en employait l'argent;
 Achetait un cent d'œufs, faisait triple couvée :
 La chose allait à bien par son soin diligent.

« Il m'est, disait-elle, facile
 D'élever des poulets autour de ma maison ;
 Le renard sera bien habile
 S'il ne m'en laisse assez pour avoir un cochon.
 Le porc à s'engraisser coûtera peu de son;
 Il était, quand je l'eus, de grosseur raisonnable :
 J'aurai, le revendant, de l'argent bel et bon.
 Et qui m'empêchera de mettre en notre étable,
 Vu le prix dont il est, une vache et son veau,
 Que je verrai sauter au milieu du troupeau ? »
 Perrette, là-dessus, saute aussi, transportée.
 Le lait tombe : adieu veau, vache, cochon, couvée.
 La dame de ces biens, quittant d'un œil marri

Sa fortune ainsi répandue,
 Va s'excuser à son mari,
 En grand danger d'être battue.
 Le récit en farce en fut fait ;
 On l'appela le *Pot au lait*.
 Quel esprit ne bat pas la campagne ?
 Qui ne fait châteaux en Espagne ?

Picrochole, Pyrrhus, la laitière, enfin tous,

Autant les sages que les fous ?

Chacun songe en veillant, il n'est rien de plus doux ;

Sữa bấy nhiêu, bán xong ngần ấy,
Trứng một trăm mua lấy về nhà.

Ấp đều có khó chi mà,
Khéo ra mấy chốc đàn gà đầy sân.
Cáo nọ dẫu mưu thần chước giỏi,
Có tha đi cũng lỗi mười con.

Bán đi mua một lợn non,
Ta cho ăn cám béo tròn như trâu.
Đem ra chợ bày đâu chẳng đắt,
Bán lợn đi, lại dắt bò về.

Thừa tiền thêm một con bê,
Để cho nó nhảy bốn bề mà coi.
Cô Bê-rét nói rồi cũng nhảy;
Sữa đồ nhào hết thấy còn chi:
Nào bò, nào lợn, nào bê,
Nào gà, nào trứng, cùng đi đàng đời,
Cô tôi thấy của rơi lênh-láng,
Lủi-thủi về chịu mắng với chồng,
Đành rằng mấy gậy là cùng,
Để câu chuyện sữa kể dong khắp làng.
Nghĩ lắm kẻ hoang-đường cũng lạ,
Ước xa-xôi hay quá phận mình.

Tề-Mân, Sở-Mục hùng danh,
Vị cùng Bê-rét rành rành cũng như.
Rõ mở mắt trơ-trơ mà mộng
Chuyện mơ-hồ mà động đến lòng.

Une flatteuse erreur emporte alors nos âmes :
 Tout le bien du monde est à nous,
 Tous les honneurs, toutes les femmes.
 Quand je suis seul, je fais au plus brave un défi ;
 Je m'écarte, je vais détrôner le Sophi ;
 On m'élit roi, mon peuple m'aime ;
 Les diadèmes vont sur ma tête pleuvant.
 Quelque accident fait-il que je rentre en moi-même,
 Je suis Gros-Jean comme devant.



Les deux mulets

Deux mulets cheminaient : l'un d'avoine chargé,
 L'autre portant l'argent de la gabelle.
 Celui-ci, glorieux d'une charge si belle,
 N'eût voulu pour beaucoup en être soulagé.
 Il marchait d'un pas relevé,
 Et faisait sonner sa sonnette,
 Quand, l'ennemi se présentant,
 Comme il en voulait à l'argent,
 Sur le mulet du fisc une troupe se jette,
 Le saisit au frein et l'arrête.
 Le mulet, en se défendant,
 Se sent percer de coups ; il gémit, il soupire.
 « Est-ce donc là, dit-il, ce qu'on m'avait promis ?
 Ce mulet qui me suit du danger se retire,

Của đời hết thảy thu xong,
 Trường-thành đắp nổi, A-phòng về ta.

Khi ta một mình ta thách hồ,
 Vua nước Tàu đập đồ như chơi.

Vận may lại thuận lòng người,
 Muôn dân mến phục, ngai Trời ngồi trên.

Sịch một tiếng tỉnh liền giấc mộng
 Té vẫn mình bố Ngõng xưa nay.



Hai con La

Hai con la cùng đi đường cái,
 Con tải tiền, con tải cỏ khô.

Gã kia vinh-hạnh đường phô,
 Ví ai mang đỡ chẳng cho đỡ nào.

Dáng đứng-đỉnh làm cao với chúng ;
 Cồ leng-keng chuông đụng suốt ngày.

Ai ngờ gặp buổi không may,
 Giặc đâu kéo đến, dòm ngay túi tiền.

Vồ la nọ giặc liền bắt lấy ;

Nắm dây cương kéo lại một nơi.

La gắng sức, cự với người.

Chúng đâm nát thịt toi bời một khi.

Than :

— Danh vọng làm chi cho cực ;

Gã hèn kia, sao được yên thân,

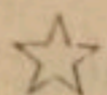
Et moi, j'y tombe et le péris.

— Ami, lui dit son camarade,

Il n'est pas toujours bon d'avoir un haut emploi.

Si tu n'avais servi qu'un meunier, comme moi,

Tu ne serais pas si malade. »



**La Génisse, la Chèvre et la Brebis en société
avec le Lion**

La génisse, la chèvre et leur sœur la brebis

Avec un fier lion, seigneur du voisinage,

Firent société, dit-on, au temps jadis,

Et mirent en commun le gain et le dommage.

Dans les lacs de la chèvre un cerf se trouva pris,

Vers ses associés aussitôt elle envoie.

Eux venus, le lion par ses ongles compta,

Et dit : « Nous sommes quatre à partager la proie. »

Puis en autant de parts le cerf il dépeça,

Prit pour lui la première en qualité de sire :

« Elle doit être à moi, dit-il, et la raison,

C'est que je m'appelle Lion. »

A cela l'on n'a rien à dire.

« La seconde par droit me doit échoir encor :

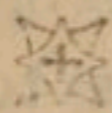
Ce droit, vous le savez, c'est le droit du plus fort.

Comme le plus vaillant je prétends la troisième.

Si quelqu'une de vous touche à la quatrième,

Je l'étranglerai tout d'abord. »

Mà ta đau - đớn như rần.
 La kia nghe thoảng lại gần đáp ngay :
 — Hễ cây cao, gió lay càng dữ...
 Mang cỏ khô ví thử như ta,
 Thì chi đến nỗi đau mà.



Bò cái, Dê cái, Cừu cái lập hội với Sư-tử

Con Bò, con Dê, con Cừu cái,
 Cùng Mãnh - sư quý - đại lân - ông,
 Xưa kia lập hội buôn chung :
 Hẹn rằng lỗ lãi đồ đồng chia nhau.
 Dê đánh bẫy được hươu một chú,
 Mời cò - đồng đến đủ hội - đồng.
 Khi đà khắp mặt đến đông,
 Sư rằng :
 — Bốn đừa chia chung bốn phần.
 Nói vừa đoạn liền phân bốn góc,
 Rồi nhận ngay lấy góc to cao :
 Đừa nào muốn biết lẽ sao ?
 Bởi vì Sư - tử là tao chứ gì.
 Lẽ phải ấy, ai thì dám cãi.
 Còn phần nhì, cũng lại nhận luôn,
 Rằng là cường - giả chi quyền.
 Phần ba nhận nữa, vì khôn nhất đàn.
 Đến phần tư thì Quan chiếm nốt ;
 Con nào vợ, ông bóp chết tươi !

Le Lion et le Moucheron

« Va-t'en, chétif insecte, excrément de la terre ! »

C'est en ces mots que le Lion

Parlait un jour au Moucheron.

L'autre lui déclara la guerre.

« Penses-tu, lui dit-il, que ton titre de roi

Me fasse peur ni me soucie ?

Un bœuf est plus puissant que toi :

Je le mène à ma fantaisie. »

A peine il achevait ces mots

Que lui-même il sonna la charge,

Fut la trompette et le héros.

Dans l'abord il se met au large ;

Puis prend son temps, fond sur le cou

Du Lion, qu'il rend presque fou.

Le quadrupède écume, et son œil étincelle ;

Il rugit : on se cache, on tremble à l'environ ;

Et cette alarme universelle

Est l'ouvrage d'un moucheron.

Un avorton de mouche en cent lieux le harcèle :

Tantôt pique l'échine, et tantôt le museau,

Tantôt entre au fond du naseau.

La rage alors se trouve à son faite montée.

L'invisible ennemi triomphe, et rit de voir

Qu'il n'est griffe ni dent en la bête irritée

Qui de la mettre en sang ne fasse son devoir.

Le malheureux Lion se déchire lui-même,

Fait résonner sa queue à l'entour de ses flancs,

Con Sủ-tử và con Muối-mắt.

Sủ-tử một hôm mắng con muối :

— «Bước đi đồ hôi-thối nhỏ-nhen !»

Muối ta đâu có chịu hèn,
Tức cùng Sủ-tử trao liền chiến-thư :

— « Mi chớ tưởng vua mà ta sợ ;

Đừng làm cao, Mi chớ hợm đời.

Con bò to gặp mấy người,
Ta còn kéo nổi như chơi đi cùng.»

Nói vừa đoạn muối xông lên trước,

Rúc tù-và, rồi vượt trận tiền.

Vừa làm tướng, vừa thổi kèn.
Trước còn bay vọt lên trên tít mù ;

Sau nhào xuống, nhảy xô vào cổ.

Sủ-tử ta xấu-hỗ phát điên ;

Mép sấu bọt, mắt quắc lên,
Miệng găm, chân nhảy, sợ rên một vùng.

Việc kinh hãi khắp trong thế-giới,

Ai hay đâu bởi cái muối con.

Đuổi sư khắp núi cùng non,
Khi thì đốt gáy, lúc bon cần đầu ;

Khi bay lọt vào đầu lỗ mũi,

Sủ-tử ta hậm-hụi phát khùng.

Ngụy ranh quay cổ lại trông,
Thấy nanh cùng vuốt cũng không làm gì.

Muối nhoét miệng cười hi mấy tiếng,

Sủ tức mình lại nghiêng hàm răng.

Bat l'air, qui n'en peut mais ; et sa fureur extrême
 Le fatigue, l'abat ; le voilà sur les dents.
 L'insecte du combat se retire avec gloire ;
 Comme il sonna la charge, il sonne la victoire,
 Va partout l'annoncer, et rencontre en chemin
 L'embuscade d'une araignée ;
 Il y rencontre aussi sa fin.

Quelle chose par là nous peut être enseignée ?
 J'en vois deux, dont l'une est qu'entre nos ennemis,
 Les plus à craindre sont souvent les plus petits ;
 L'autre, qu'aux grands périls tel a pu se soustraire
 Qui périt pour la moindre affaire.



La Chauve-Souris et les deux Belettes

Une chauve-souris donna tête baissée
 Dans un nid de belette ; et, sitôt qu'elle y fut,
 L'autre, envers les souris de longtemps courroucée,
 Pour la dévorer accourut.
 « Quoi ! vous osez, dit-elle, à mes yeux vous produire,
 Après que votre race a tâché de me nuire !
 N'êtes-vous pas souris ? Parlez sans fiction.
 Oui, vous l'êtes, ou bien je ne suis pas belette,
 — Pardonnez-moi, dit la pauvrete,
 Ce n'est pas ma profession.

Đuôi thì ngoe-nguẩy vung-văng.
 Mà ra phải chịu một thặng muối ranh.
 Anh giận lắm thì anh thêm nhọc,
 Cậy hùng-cường làm cóc gì tôi !
 Muối ta thặng trận phản-hồi,
 Khái-ca một điệu vang trời vo-vo.
 Chạy cùng xứ cáo cho chúng biết.
 Mạng-nhện đâu lại kết ngang đường.
 Muối ta vướng phải ai thương.
 Ta nên lấy chuyện làm gương hai điều :
 Cuộc tranh-cạnh có nhiều thù-nghịch,
 Kẻ nhỏ thường nên kệt hơn to;
 Nhiều khi việc lớn chẳng lo,
 Mà ra chút việc nhỏ-nhò chẳng xong.



Con Dơi và hai con Cây

Dơi bay quạng xầy khi chúi cổ,
 Choạng ngay vào cửa tổ con cây,
 Cây này ghét chuột xưa nay,
 Chạy ra đã định vồ ngay dơi già :
 —Giống mi đã cùng ta làm hại,
 Sao cả gan dám lại nơi đây ?
 Phải chẳng chính chuột là này ?
 Nếu không chẳng phải đời cây nhà tao !
 Dơi van lạy :
 — Lượng cao soi - xét,
 Tôi thực không phải kiếp chuột mà ;

Moi, souris ! des méchants vous ont dit ces nouvelles.

Grâce à l'Auteur de l'univers,

Je suis oiseau : voyez mes ailes.

Vive la gent qui fend les airs ! »

Sa raison plut et sembla bonne.

Elle fait si bien qu'on lui donne

Liberté de se retirer.

Deux jours après, notre étourdie

Aveuglément se va fourrer

Chez une autre belette aux oiseaux ennemie.

La voilà derechef en danger de sa vie.

La dame du logis, avec son long museau,

S'en allait la croquer en qualité d'oiseau,

Quand elle protesta qu'on lui faisait outrage.

« Moi, pour telle passer ! vous n'y regardez pas.

Qui fait l'oiseau ? C'est le plumage.

Je suis souris : vivent les rats !

Jupiter confonde les chats ! »

Par cette adroite repartie

Elle sauva deux fois sa vie.

Plusieurs se sont trouvés qui, d'écharpe changeants,

Aux dangers, ainsi qu'elle, ont souvent fait la figue.

Le sage dit, selon les gens :

« Vive le Roi ! vive la Ligue ! »

Ai đâu đặt đẽ sai-ngoạ
 Trời sinh tôi quả vốn là loài chim.
 Còn đôi cánh hiển-nhiên thương-tại,
 Chúc vạn niên điều-loại cao bay!
 Lời cung nghe lọt tai cây,
 Tức thì phóng-xá cho bay về nhà.
 Cách khi đó một và hôm nữa,
 Dơi lại choàng vào cửa hang cây.
 Cây này tính ghét chim bay,
 Té ra dơi lại gặp ngày nguy-nan;
 Cô dài mồm đã toan ra bắt:
 — Mày là chim, tao quật chết tươi.
 Dơi sao cũng khéo mau lời:
 — Xin ngài nhìn kỹ hình tôi chim nào.
 Chim có đủ vũ-mao mới phải,
 Tôi vốn là thú-loại xưa nay.
 Chúc xin Thử-quốc lâu dài!
 Hoàng-thiên hại hết những loài miêu-nhi!
 Khen dơi biến-trá cũng kỳ,
 Nhờ mưu khôn thoát hiểm-nguy hai lần.

Thơ rằng :

Liệu gió khen ai khéo phất cờ.
 Đòi lời cầu thoát lúc nguy-cơ.
 Sẵn câu vạn-tuế trên đầu lưới,
 Chúc Hán khi xưa, chúc Ngụy giờ.

L'âne portant des reliques

Un baudet, chargé de reliques,
 S'imagina qu'on l'adorait.
 Dans ce penser il se carrait,
 Recevant comme siens l'encens et les cantiques.
 Quelqu'un vit l'erreur, et lui dit :
 « Maître baudet, ôtez-vous de l'esprit
 Une vanité si folle.
 Ce n'est pas vous, c'est l'idole
 A qui cet honneur se rend
 Et que la gloire en est due. »
 D'un magistrat ignorant
 C'est la robe qu'on salue.

**Le vieux Chat et la jeune Souris**

Une jeune souris de peu d'expérience
 Crut fléchir un vieux chat, implorant sa clémence,
 Et payant de raisons le Raminagrobis :
 « Laissez-moi vivre ; une souris
 De ma taille et de ma dépense
 Est-elle à charge en ce logis ?
 Affamerais-je, à votre avis,
 L'hôte et l'hôtesse, et tout leur monde ?
 D'un grain de blé je me nourris ;
 Une noix me rend toute ronde.

Con Lừa mang hòm sặc

Một con lừa lưng mang hòm sặc,
Thấy người tôn đã chắc tôn ta.

Vênh-vang bộ mặt giở ra,
Chấp lễ chấp bái như là thần đây.

Có người kia lăm này biết ý,
Bảo lừa :

— Đừng nghĩ thế mà sai,

Hòm đâu có hòm lạ đời !

Ai tôn đâu chú, chú đòi lên câu.

Người lễ - bái là cầu ông thánh,

Sự anh - linh uy - mãnh của ngài.

Quan mà dốt đặc vô - tài,

Thì dân lạy cái áo ngoài mà thôi,



Con Mèo già và con chuột Nhắt

Thím chuột nhắt trẻ người non dạ,

Bị mèo già vồ đã nguy nan.

Lẻo mồm còn cứ kêu van :

— Xin ngài sinh phúc kéo oan phận này.

Thân chuột nhắt phỏng tầy mấy chút :

Nhắt của rơi, thiệt hực gì ai !

Hãy khoan lượng nghĩ, xin ngài,

Vì tôi đã đề cho ai dói nào !

Miệng này phỏng ăn bao nhiêu hạt ;

Chỉ cơm rang góc bát là no.

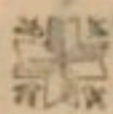
A présent je suis maigre ; attendez quelque temps ;
 Réservez ce repas à messieurs vos enfants. »
 Ainsi parlait au chat la souris attrapée.

L'autre lui dit : « Tu t'es trompée.
 Est-ce à moi que l'on tient de semblables discours ?
 Tu gagnerais autant de parler à des sourds.
 Chat et vieux, pardonner ? Cela n'arrive guères.

Selon ces lois, descends là-bas,
 Meurs, et va-t-en tout de ce pas
 Haranguer les Sœurs filandières.

Mes enfants trouveront assez d'autres repas. »

Il tint parole ; et pour ma fable,
 Voici le sens moral qui peut y convenir :
 La jeunesse se flatte et croit tout obtenir ;
 La vieillesse est impitoyable.



L'Ours et les deux Compagnons

Deux compagnons pressés d'argent
 A leur voisin fourreur vendirent
 La peau d'un ours encor vivant,
 Mais qu'ils tueraient bientôt, du moins à ce qu'ils dirent.
 C'était le roi des ours, au compte de ces gens ;
 Le marchand à sa peau devait faire fortune :
 Elle garantirait des froids les plus cuisants,
 On en pourrait fourrer plutôt deux robes qu'une.

Sá chi thân-phận gày-gò,
 Đề dành các cậu, các cô thì vừa.
 Chuột bị bắt trình thưa như vậy,
 Mèo bảo rằng :

— Lời ấy khó nghe.

Thôi đi, đừng nói nữa đi !

Tao đây chứ phải giống gì mà mong.

Mèo, lại già, hẳn không dung-xá,

Rất đang tâm, mi lạ chi ta.

Thôi cho mi xuống làm ma,

Kêu cùng Thập-diện họa là có nghe.

Con tao chẳng thiếu chi thực-phẩm.

Mèo nói xong bèn lăm chuột ranh.

Chuyện này nghĩa-lý rành rành.

Đầu xanh vẫn thị tinh-ranh khoe mầu.

Già hay tàn-nhãn biết đâu !



Con Gấu và hai bác Lái

Hai bác lái tiền lưng đã cạn,

Gạ lảng-giềng, nhà bán mền lông :

— Gấu to mua giúp hay không ?

Đề ta đi bắt đóng gông lói về.

Gấu lớn ketch, góm-ghê Chúa gấu,

Bán bộ da đủ tậu trăm gian.

Mặc vào thách được dao hàn ;

Lót xong đôi áo hầy còn có dư.

Dindenaut prisait moins ses moutons qu'eux leur ours :
Leur, à leur compte, et non à celui de la bête.

S'offrant de la livrer au plus tard dans deux jours
Ils conviennent de prix, et se mettent en quête,

Trouvent l'ours qui s'avance et vient vers eux au trot.

Voilà mes gens frappés comme d'un coup de foudre.

Le marché ne tint pas, il fallut le résoudre :

D'intérêts contre l'ours, on n'en dit pas un mot.

L'un des deux compagnons grimpe au faite d'un arbre ;

L'autre, plus froid que n'est un marbre,

Se couche sur le nez, fait le mort, tient son vent,

Ayant quelque part ouï dire

Que l'ours s'acharne peu souvent

Sur un corps qui ne vit, ne meut ni ne respire.

Seigneur ours, comme un sot, donna dans ce panneau :

Il voit ce corps gisant, le croit privé de vie,

Et de peur de supercherie,

Le toune, le retourne, approcha son museau,

Flaire aux passages de l'haleine.

« C'est, dit-il, un cadavre ; ôtons-nous car il sent. »

A ces mots, l'ours s'en va dans la forêt prochaine.

Bác lái đã hợm chưa, bác lái ?
Vội-vàng đâu bé cái vội-vàng !
Hai ngày tình-nguyện đem sang.
Đôi bên giá cả sẵn-sàng đã xong.
Rồi hai gã gia công tìm gấu ;
Thấy một con loan tâu trong rừng
Ở đâu chạy lại sau lưng ;
Hai anh khiếp đảm hàm răng cập-kè,
Đành thất ước, trở về tay trắng,
Lẽ thiệt-thời cũng chẳng kêu-ca.
Một anh trèo tốt ngọn đa ;
Một anh sợ khiếp, sỗn da rừng mình,
Năm xóng-xuốt làm thình tảng chết,
Miệng ngậm hơi như hết thây ma ;
Bấy giờ lại sức nhớ ra :
Gấu tha thây chết, người ta vẫn đồn.
Anh lái nọ khôn hồn chẳng cựa,
Quả Hùng-công mắc lựa mưu khôn.
Thấy người nằm đó chổng trôn,
Đã ngờ chết thật xong còn hơi nghi,
Bèn lấy cẳng hất đi, lật lại,
Vẫn cứng đờ một cái xác người.
Mồm thò vào mũi đánh hơi,
Thấy im phăng-phắc thôi thời hết nghi.
Chết đã hẳn, ta đi xa quách :
Kẻ thối-tha có sạch-sẽ gì !

L'un de nos deux marchands de son arbre descend,
 Court à son compagnon, lui dit que c'est merveille
 Qu'il n'ait eu seulement que la peur pour tout mal.
 « Eh bien, ajouta-t-il, la peau de l'animal ?

Mais que t'a-t-il dit à l'oreille ?

Car il s'approchait de bien près,

Te retournant avec sa serre.

— Il m'a dit qu'il ne faut jamais

Vendre la peau de l'ours qu'on ne l'ait mis par terre. »



Le Lion abattu par l'homme

On exposait une peinture

Où l'artisan avait tracé

Un lion d'immense stature

Par un seul homme terrassé.

Les regardants en tiraient gloire.

Un lion en passant rabattit leur caquet.

« Je vois bien, dit-il, qu'en effet

On vous donne ici la victoire ;

Mais l'ouvrier vous a déçus ;

Il avait liberté de feindre.

Avec plus de raison nous aurions le dessus

Si mes confrères savaient peindre. »

Gấu ta nghĩ vậy bỏ đi.
 Trên cây, bác lái tức thì xuống ngay;
 Đến thăm bạn, khen thay mẹo giỏi,
 Mừng cho nhau thoát khỏi nạn to.
 Lại còn sẽ gặng hỏi dò:

— Còn da gấu nọ, ai cho bây giờ?
 Lúc ban nãy, gấu giờ mồm hỏi,
 Nó bảo gì, anh nói em hay?

Lái kia bèn đáp lại ngay:
 — Gấu giờ mồm bảo: từ nay thì chừa.
 Da gấu kia hễ chưa bắt được,
 Chớ vội đem kết-ước bán đi!



Người giết Cọp

Trên bức vách có tranh lạ kiêu.
 Khen thợ đâu cũng khéo vẽ-vời,
 Một con cọp lớn tuyệt-vời,
 Mà ra chỉ có một người giết xong.
 Kẻ đứng ngắm thôi cùng tấm-tắc,
 Cọp đâu qua, lập tức im mồm.
 Cọp rằng: «Cứ đó ta nom,
 Thì ra người khỏe hơn hùm chẳng sai.
 Nhưng thợ vẽ điêu-tai quá dối,
 Bút có quyền tả dối sự đời.

Ví dầu cọp biết vẽ-vời,
 Tranh này hẳn khác, cảnh thời không ngoa.»

Le Renard et les Poulets d'Inde

Contre les assauts d'un renard
Un arbre à des dindons servait de citadelle.
Le perfide, ayant fait tout le tour du rempart
Et vu chacun en sentinelle,
S'écria : « Quoi ! ces gens se moqueront de moi !
Eux seuls seront exempts de la commune loi !
Non, par tous les dieux ! non. » Il accomplit son dire.
La lune, alors luisant, semblait contre le sire
Vouloir favoriser la dindonnière gent.
Lui, qui n'était novice au métier d'assiégeant,
Eut recours à son sac de ruses scélérates,
Feignit vouloir gravir, se gu'nda sur ses pattes,
Puis contrefit le mort, puis le ressuscité.

Arlequin n'eût exécuté
Tant de différents personnages.
Il élevait sa queue, il la faisait briller,
Et cent mille autre badinages,
Pendant quoi nul dindon n'eût osé sommeiller :
L'ennemi les lassait, en leur tenant la vue
Sur même objet toujours tendue.
Les pauvres gens étant à la longue éblouis,
Toujours il en tombait quelqu'un : autant de pris,
Autant de mis à part. Près de moitié succombe

Con Chó sói và đàn Gà tây

Đàn gà tây sợ mưu chó sói,
Lên cây cao chói-lói làm thành.

Sói ta chạy lượn vòng quanh,
Thấy gà chằm - chằm đứng rình trên cây ;
Sói nổi giận :

—Quần này láo thật !

Bay đứng xa không bắt được sao ?

Nói rồi sói giở mưu cao,
Nhân đêm hôm ấy, trăng sao vặc trời,
Hình như vị ở nơi gà-qué,
Thách sói tài giở kế vây quanh.

Sói liền mở túi tinh-ranh :

Chồm lên rồi lại như đành chịu tho.
Đoạn rồi đến nắm co tảng chết ;
Ngón phượng - chèo giở hết trò ra.

Chước đâu khôn-khéo thực là !

Trăm phương nghìn kế thôi mà thiếu chi.

Trong khi sói quanh đi quần lại,
Thì đàn gà sợ-hãi hết đêm.

Dẫu rằng buồn ngủ đã mềm,
Chống đôi con mắt mà xem chước gì.

Ra nhìn mãi rồi thì hóa quáng,
Té lộn nhào đâm choạng xuống sân.

Con này con khác ngã dần,
Sói tha con một đẽ gần một bên.

Le Compagnon les porte en son garde-manger.
 Le trop d'attention qu'on a pour le danger
 Fait le plus souvent qu'on y tombe.



Le Chien à qui on a coupé les oreilles

« Qu'ai-je fait pour me voir ainsi
 Mutilé par mon propre maître ?
 Le bel état où me voici !

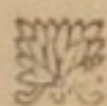
Devant les autres chiens oserai-je paraître ?
 O rois des animaux, ou plutôt leurs tyrans,
 Qui vous ferait choses pareilles ? »

Ainsi criait Mouflar, jeune dogue ; et les gens,
 Peu touchés de ses cris douloureux et perçants,
 Venaient de lui couper sans pitié les oreilles.
 Mouflar y croyait perdre ; il vit avec le temps
 Qu'il y gagnait beaucoup : car, étant de nature
 A piller ses pareils, mainte mésaventure

L'aurait fait retourner chez lui

Avec cette partie en cent lieux altérée :
 Chien hargneux a toujours l'oreille déchirée,
 Le moins qu'on peut laisser de prise aux dents d'autrui,
 C'est le mieux. Quand on n'a qu'un endroit à défendre,
 On le munit, de peur d'esclandre ;

Khi chông-chất đã nên một đồng,
Bấy giờ xâu đòn ống đem về.
Ở đời nên nhăng cái nguy,
Càng sẵn nom lắm, nhiều khi vào tròng.



Con Chó bị chủ xẻo tai

Chẳng hay tôi có tội gì,
Mà người đem xẻo tai đi thế này?
Hình-dung trơ-trên, ô hay!
Mặt này thôi dám từ rầy nhìn ai?
Giống người tàn bạo kia ơi!
Đang tay độc-địa cùng tôi làm gì?
Chó Xù kêu vậy một khi,
Thì ra chủ cắt tai đi mất rồi.
Xù kia đã tưởng thiệt-thời,
Rồi ra mới biết cụt tai lợi nhiều.
Xưa nay Xù vốn tính liều,
Cướp đường để chúng chạy theo đuổi cùng;
Hai tai thường rách tứ-tung,
Hay gì cái bấu lòng-thòng đôi bên.
Ở đời là chốn cạnh-chen,
Nơi nào dễ nắm không nên dễ thừa.
Chỗ nguy đừng có hở cơ.

Témoin maître Mouflar armé d'un gorgerin ;
 Du reste, ayant d'oreille autant que sur ma main :
 Un loup n'eût su par où le prendre,



Le trésor et les deux hommes

Un homme n'ayant plus ni crédit ni ressource,
 Et logeant le diable en sa bourse,
 C'est-à-dire n'y logeant rien,
 S'imagina qu'il ferait bien
 De se pendre et finir lui-même sa misère,
 Puisqu'aussi bien sans lui la faim le viendrait faire :
 Genre de mort qui ne nuit pas
 A gens peu curieux de goûter le trépas.
 Dans cette intention, une vieille mesure
 Fut la scène où devait se passer l'aventure.
 Il y porte une corde, et veut avec un clou
 Au haut d'un certain mur attacher le licou.
 La muraille, vieille et peu forte,
 S'ébranle aux premiers coups, tombe avec un trésor.
 Notre désespéré le ramasse et l'emporte,
 Laisse là le licou, s'en retourne avec l'or,
 Sans compter : ronde ou non, la somme plut au sire.
 Tandis que le galant à grands pas se retire,
 L'homme au trésor arrive et trouve son argent
 Absent.

Mấy câu sau tưởng không cần phải dịch. Và ông LA FONTAINE lại làm : chó rình thường vờ chó đồng ở cổ, không vờ ở tai.



Đồng của với hai người

Một người kia gặp cơn túng ngặt,
Muốn vay ai, ai dặt mà vay.

Lung không biết tính sao đây ?
Quyết đi tự-tận phen này cho xong.

Thừng buộc cổ long-đong phải hết;
Dấu chẳng toan cũng chết đói mà.

Ngẫm xem bụng dạ người ta,
Ai ưa nhin đói mà qua kiếp người.

Gần đây có một nơi nhà đồ,
Anh kiết ta đến đó liệu mình.

Trên tường sẵn có đóng danh :
Một dây thòng-lọng đã đành là xong.

Chẳng ngờ vách cũ không được tốt,
Đồ đánh ùm, vung một đồng tiền.

Chàng ta đứng dậy nhặt liền :
Đem vàng đi thẳng còn quên chiếc thừng.

Cũng chẳng đếm xem chừng lẻ chẵn,
Mau bước chân vội lẩn về nhà.

Người có của bỗng chạy ra,
Thoát trông đã thấy tiền đã vắng tanh.

Kêu : « Trời hỡi ! nay mình chưa chết,
Mà bạc tiền đã hết mất rồi.

« Quoi ! dit-il, sans mourir je perdrai cette somme ?
 Je ne me pendrai pas ? Et vraiment si ferai,
 Ou de corde je manquerai. »

Le lacs était tout prêt, il n'y manquait qu'un homme.
 Celui-ci se l'attache, et se pend bien et beau.

Ce qui le consola peut-être
 Fut qu'un autre eût pour lui fait les frais du cordeau.
 Aussi bien que l'argent le licou trouva maître.
 L'avare rarement finit ses jours sans pleurs ;
 Il a le moins de part au trésor qu'il enserre,
 Thésaurisant pour les voleurs,
 Pour ses parents ou pour la terre.
 Mais que dire du troc que la Fortune fit ?
 Ce sont là de ses traits ; elle s'en divertit.
 Plus le tour est bizarre, et plus elle est contente.
 Cette déesse inconstante
 Se mit alors en l'esprit
 De voir un homme se pendre ;
 Et celui qui se pendit
 S'y devait le moins attendre.



Les médecins

Le médecin Tant-pis allait voir un malade,
 Que visitait aussi son confrère Tant-mieux.
 Ce dernier espérait, quoique son camarade
 Soutint que le gisant irait voir ses aïeux.

Vậy thì chết quách đi thôi,
Dây dâu thắt cổ cho rồi một phen.»

Thừng còn sẵn treo trên vách đồ,
Chỉ thiếu người chui cổ vào trong.

Thò đầu chàng quẩn một vòng,
Chỉ trong giây - phút là xong một đời.

Nực cười chết đến nơi còn tính :

Tiền mua dây người ghình đỡ cho.

Ông trời sao khéo bày trò,
Thừng kia của nợ, chéo - cho lạ đời.

Thương-hại thay những người bủn - xỉn,

Có của mà giấu kín một nơi ;

Chẳng dám ăn, chẳng dám chơi,
Đề cho kẻ cấp, hoặc người họ xa ;

Cũng có khi người ta lấy hết,

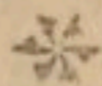
Hoặc đất đen giữ diệt dưới sâu.

Tài - thần bốn - cột lắm câu,
Bày ra trò lạ ở đâu ghẹo đời !

Ông muốn khiến một người thắt cổ,

Bống thừng kia, anh nợ chui vào.

Ông đùa những cách lạ sao ?



Các thầy Lang

Thầy lang *Lắc* đến thăm người ốm,

Thầy *Gát* kia hàng xóm cũng sang.

Gát rằng :

— Bệnh cũng tâm - thương.

Tous deux s'étant trouvés différents pour la cure,
 Leur malade paya le tribut à nature,
 Après qu'en ses conseils Tant-pis eut été cru.
 Ils triomphaient encor sur cette maladie.
 L'un disait : « Il est mort, je l'avais bien prévu.
 — S'il m'eût cru, disait l'autre, il serait plein de vie. »



Conseil tenu par les Rats

Un chat nommé Rodilardus
 Faisait des rats telle déconfiture
 Que l'on n'en voyait presque plus,
 Tant il en avait mis dedans la sépulture.
 Le peu qu'il en restait, n'osant quitter son trou,
 Ne trouvait à manger que le quart de son sou ;
 Et Rodilard passait, chez la gent misérable,
 Non, pour un chat, mais pour un diable.
 Or, un jour qu'au haut et au loin
 Le galant alla chercher femme,
 Pendant tout le sabbat qu'il fit avec sa dame,
 Le demeurant des rats tint chapitre en un coin
 Sur la nécessité présente.
 Dès l'abord leur doyen, personne fort prudente,
 Opina qu'il fallait, et plus tôt que plus tard,
 Attacher un grelot au cou de Rodilard ;
 Qu'ainsi, quand il irait en guerre.

Lắc rằ ng :

— Người ốm thiên-đường sắp lên.

Việc thang thuốc mỗi bên một trái,

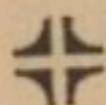
Để người đau đến phải qua đời.

Lắc ta đã quả như lời,

Hai thầy vẫn tắc đến trời lên câu.

Bên rằ ng : có sai đâu, đã bảo!

Bên rằ ng: theo thuốc lão, can gì!



Hội - đồng Chuột

Một con mèo tên là Trạng-Mỡ,

Bắt chuột nhiều long lở hăm hang.

Mèo đâu dữ-dội lạ dườ ng!

Để cho đến nỗi sạch quang trong ngoài,

Họa còn sống một hai chú lỏi,

Đố dám thò ra khỏi cửa hang.

Chú nào cũng đói họng gang,

Trông thấy Trạng-Mỡ coi dườ ng yêu-tinh.

May được buổi tiên-sinh chạy gái,

Chốn cao-xa trên mái nhà người.

Chuột thừa được lúc thanh-thời,

Họp nhau bàn việc kim thời nguy-nan.

Chú chuột già ra bàn ngay trước :

— Liệu mau mau trong bước hiểm nghèo,

Đem chuông mà buộc cổ mèo,

Để cho khi hấn leo-trèo tìm ta,

Leng-keng nghe hiệu là ta chạy.

Ai cũng khen mà lạy cụ-trùm.

De sa marche avertis, ils s'enfuiraient sous terre ;
 Qu'il n'y savait que ce moyen.
 Chacun fut de l'avis de monsieur le doyen,
 Chose ne leur parut à tous plus salutaire.
 La difficulté fut d'attacher le grelot.
 L'un dit : « Je n'y vas point, je ne suis pas si sot » ;
 L'autre : « Je ne saurais. » Si bien que sans rien faire
 On se quitta. J'ai maints chapitres vus,
 Qui pour néant se sont ainsi tenus ;
 Chapitres non de rats, mais chapitres de moines,
 Voire chapitres de chanoines.
 Ne faut-il que délibérer,
 La cour en conseillers foisonne ;
 Est-il besoin d'exécuter,
 L'on ne rencontre plus personne.



L'huitre et les plaideurs

Un jour deux pèlerins sur le sable rencontrent
 Une huitre que le flot y venait d'apporter :
 Ils l'avalent des yeux, du doigt ils se la montrent ;
 A l'égard de la dent, il fallut contester.
 L'un se baissait déjà pour amasser la proie ;
 L'autre le pousse, et dit : « Il est bon de savoir
 Qui de nous en aura la joie.
 Celui qui le premier a pu l'apercevoir

Duy còn một việc đeo chuông,
Nghe như hơi khó tìm phương thi-hành.

Hỏi lũ chuột, thì anh từ-cáo,
Anh lại rằng :

— Đây lão đại gì ?

Đã đành nơi chết ai đi.
Ngần-ngor một lát rồi thì hội tan.
Té ra cuộc luận bàn thật hão.

Có lạ gì bàn lão xưa nay !

Chẳng là việc chuột thế này ;
Việc dân, việc nước cũng hay bàn xằng.

Thơ rằng :

Nghị-luận còn dỏ-dang,
Triều-đình đông nhan-nhân,
Thi-hành lâm cục-trung,
Bá quan đà tận tán.



Hai người tranh nhau con sò

Hai người đi trảy hội chùa,
Qua nơi bãi cát, gặp sò nổi lên.

Tay cùng trở, mắt cùng nhìn,
Mồm cùng muốn lăm, cùng vin lý già.

Người cúi nhặt, kẻ liền la :

— Khoan, khoan ! Hãy hỏi ai là đáng ăn ?

Cứ theo như lẽ công bằng,
Ai mà thấy trước, thì ăn đỡ thềm,

Người kia phải đứng mà xem.

En sera le gobeur ; l'autre le verra faire.

— Si par là l'on juge l'affaire,

Reprit son compagnon, j'ai l'œil bon, Dieu merci.

— Je ne l'ai pas mauvais aussi,

Dit l'autre, et je l'ai vue avant vous, sur ma vie.

— Eh bien, vous l'avez vue, et moi, je l'ai sentie. »

Pendant tout ce bel incident,

Perrin Dandin arrive : ils le prennent pour juge.

Perrin fort gravement ouvre l'huître et la gruge,

Nos deux messieurs le regardant.

Ce repas fait, il dit d'un ton de président :

« Tenez, la Cour vous donne à chacun une écaille,

Sans dépens ; et qu'en paix chacun chez soi s'en aille. »

Mettez ce qu'il en coûte à plaider aujourd'hui ;

Comptez ce qu'il en reste à beaucoup de familles :

Vous verrez que Perrin tire l'argent à lui,

Et ne laisse aux plaideurs que le sac et les quilles.



Les animaux malades de la peste

Un mal qui répand la terreur,

Mal que le Ciel en sa fureur

Inventa pour punir les crimes de la terre,

Đáp rằng :

— Nếu vậy mà nên công-bình,
Nhờ trời tôi mắt cũng tinh.

Cãi rằng :

— Mắt tớ còn nhanh gấp mười,
Tớ thề tớ thấy trước rồi.

— Nhưng mà tao ngửi thấy mùi đã lâu!
Trong khi cãi-cọ cùng nhau,

Xây quan án nọ đi đâu qua đường.

Đôi bên đem chuyện thân tường,

Xin quan phân-xử đôi đường trắng đen.

Cầm sò quan đứng quan nhìn,

Tách đôi mảnh vỏ hút liền ruột trong.

Khi quan vừa nuốt trôi xong,

Ngài bèn lên giọng Bao-công phán truyền :

Xử cho bên bị bên nguyên,

Quân phân đôi vỏ, hai bên xử hòa.

Còn tiền phí tổn thì tha.

Thơ rằng :

Kiện - tụng xưa nay tốn kém to

Chẳng qua đục nước chỉ nuôi cò,

Mới hay gan ruột quan moi hết,

Trơ lại còn đôi cái vỏ sò!



Các loài vật phải bệnh dịch-hạch

Có một bệnh ai mà chẳng khiếp,

Hắn ông Trời diên tiết bày ra

Đề răn thế-giới gian-tà,

La peste (puisqu'il faut l'appeler par son nom),
Capable d'enrichir en un jour l'Achéron,
Faisait aux animaux la guerre.

Ils ne mouraient pas tous, mais tous étaient frappés.

On n'en voyait point d'occupés
A chercher le soutien d'une mourante vie ;

Nul mets n'excitait leur envie ;

Ni loups ni renards n'épiaient

La douce et l'innocente proie ;

Les tourterelles se fuyaient ;

Plus d'amour, parlant plus de joie.

Le Lion tint conseil, et dit : « Mes chers amis,

Je crois que le Ciel a permis

Pour nos péchés cette infortune.

Que le plus coupable de nous

Se sacrifie aux traits du céleste courroux.

Peut-être il obtiendra la guérison commune.

L'histoire nous apprend qu'en de tels accidents

On fait de pareils dévouements.

Ne nous flattons donc point ; voyons sans indulgence

L'état de notre conscience.

Pour moi, satisfaisant mes appétits gloutons,

J'ai dévoré force moutons.

Que m'avaient-ils fait ? Nulle offense.

Même il m'est arrivé quelquefois de manger

Le berger.

Je me dévouerai donc, s'il le faut ; mais je pense

Chính danh dịch hạch (lựa kiêng tên).

Một ngày chật ních Hoàng-tuyển,
Phải khi trái tiết, bệnh truyền súc-sinh,

Giống nào giống ấy hải kinh,
Chết không khắp lượt, linh tinh phải đều.

Xem ra cảnh-tượng tiêu-diêu,
Biếng ăn nhác uống, thân liễu cho xong.

Cao-lương mỹ-vị coi không,
Chó-rừng, chó-sói đều cùng nằm im,

Mặc cừu, mặc lợn, tha tìm ;
Bồ-cu, chim gáy chẳng thềm nhìn nhau.

Hết vui ra cảnh buồn rầu.

Hùng-sư hội-nghị đề cầu bình-yên,

Diễn rằng :

— Hỡi các anh em !

Trời kia nay đã xui nên cảnh này

Đề răn tội chúng ta đây,

Vậy nên cứu-xét ai hay làm càn

Phải ra mà chịu lấy nạn,

Họa may cứu được cho an các loài.

Xem trong lịch-sử xưa nay,

Cầu qua nạn chúng, kẻ hay dưng mình.

Tội ta, ta xét cho mình,

Vấn tâm ta thử thực-tình một phen.

Như ta tham thực nết quen,

Mồm này đã nhá cừu hèn biết bao ?

Loài cừu tội lỗi đâu nào,

Nhiều khi ta nhá đến đầu thẳng chẵn.

Vậy nên ta chịu hiến thân.

Qu'il est bon que chacun s'accuse ainsi que moi :
 Car en doit souhaiter, selon toute justice,
 Que le plus coupable périsse.

— Sire, dit le renard, vous êtes trop bon roi ;
 Vos scrupules font voir trop de délicatesse.
 Eh bien ! manger moutons, canaille, sottie espèce,
 Est-ce un péché ? Non, non : vous leur fîtes, Seigneur.

En les croquant beaucoup d'honneur ;
 Et quant au berger, l'on peut dire
 Qu'il était digne de tous maux,
 Etant de ces gens-là qui sur les animaux
 Se font un chimérique empire. »

Ainsi dit le Renard, et flatteurs d'applaudir.

On n'osa trop approfondir
 Du Tigre, ni de l'Ours, ni des autres puissances,
 Les moins pardonnables offenses.

Tous les gens querelleurs, jusqu'aux simples mâtins,
 Au dire de chacun, étaient de petits saints.

L'âne vint à son tour, et dit : « J'ai souvenance
 Qu'en un pré de moines passant,
 La faim, l'occasion, l'herbe tendre, et je pense,
 Quelque diable aussi me poussant,

Je tondis de ce pré la largeur de ma langue.
 Je n'en avais nul droit, puisqu'il faut parler net. »

A ces mots, on cria haro sur le Baudet.
 Un Loup quelque peu clerc prouva par sa harangue

Nhưng ai có tội xa gần thú ra.

Cũng nên bắt-chước như ta,
 Để ai trọng-phạm ra mà chịu thay.

Chó sói đứng dậy tâu ngay:
 — Thánh-quân tự-trách khắc thay cho mình !

Vả cừu ngu-độn hôi-tanh,
 Ân mộng ngự-dụng là vinh cho cừu.

Sự thường tôi lỗi đâu nào !
 Còn như thẳng bé chặn cừu bắt-lương,
 Kề ra độc ác bao đường,
 Cùng loài cầm thú toan đường tác oai...

— Sói tâu vậy, cả các loài,
 Một phe nịnh hót khen hoài rằng hay.

Cọp, gấu, dữ ác nào tày,
 Mà ai có dám đem bày tỏ ra ?

Những loài bặng-nặng chua-ngoạ,
 Đến như chú Cầu cũng là bụi con.

Đến lượt Lừa thú tội luôn :
 « Trót qua một bãi cỏ non của người,
 Phải khi bụng đói cỏ tươi,
 Ma tinh giun-giủi như mời miệng ăn.

— Trót đưa một lưới gian-tham
 Chịu rằng phạm lỗi tham ăn của người. »

Các giống nghe nói vừa rồi,
 Đồng-thanh mắng-mở Lừa tồi gian-ngoan.

Sói kia, cũng thạo việc quan,
 Phỉnh rằng :

— Nặng nhứt là ăn cỏ người.

Qu'il fallait dévouer ce maudit animal,
 Ce pelé, ce galeux, d'où venait tout le mal.
 Sa peccadille fut jugée un cas pendable.
 Manger l'herbe d'autrui ! quel crime abominable !

Rien que la mort n'était capable
 D'expié son forfait : on le lui fit bien voir.
 Selon que vous serez puissant ou misérable,
 Les jugements de cour vous rendront blanc ou noir.



Le Renard et le buste

Les grands, pour la plupart, sont masques de théâtre ;
 Leur apparence impose au vulgaire idolâtre.
 L'âne n'en sait juger que par ce qu'il en voit.
 Le renard, au contraire, à fond les examine,
 Les tourne de tout sens, et, quand il s'aperçoit
 Que leur fait n'est que bonne mine,
 Il leur applique un mot qu'un buste de héros
 Lui fit dire fort à propos.
 C'était un buste creux, et plus grand que nature.
 Le renard, en louant l'effort de la sculpture :
 « Belle tête, dit-il, mais de cervelle point. »
 Combien de grands seigneurs sont bustes en ce point !

Phải đem lừa vật chết tươi,
 Gieo tai cho cả, tội thời tại mi.
 Tâm-thường mà tội lãng-trì,
 Chết nổi! trộm cỏ, còn gì nặng hơn!
 Việc này giết cũng chẳng oan,
 Liền đem hành-hạ một cơn chết lừa.

Thế mới biết kiện thừa tố tụng,
 Trắng hay đen thôi cũng thế-thần.



Chó Sói với bức tượng

Danh tiếng chẳng qua hễ vẽ mặt,
 Cái dẽnh-dang rồi mắt thẳng ngay.
 Lừa kia chỉ biết nhìn ngay;
 Sói kia thóc-mách tính hay xét cùng;
 Trước sau nhìn, thủy-chung cận kề:
 Cái hư danh ai hễ ở ngoài,
 Thì y lập tức chề-bai.
 Chuyện xưa có tượng anh-tài một pho;
 Pho tượng ấy dẫu to nhưng rỗng,
 Sói nhìn khen thợ dụng tinh-công:
 — Dẫu to mà óc thì không!
 Đại-danh lắm bậc tượng-đồng khác chi.

Les deux Chèvres

Dès que les chèvres ont brouté,
Certain esprit de liberté
Leur fait chercher fortune ; elles vont en voyage
Vers les endroits du pâturage
Les moins fréquentés des humains.
Là, s'il est quelque lieu sans route et sans chemins,
Un rocher, quelque mont pendant en précipices,
C'est où ces dames vont promener leurs caprices ;
Rien ne peut arrêter cet animal grim pant.
Deux chèvres donc, s'émancipant,
Toutes deux ayant patte blanche,
Quittèrent les bas prés, chacune de sa part.
L'une vers l'autre allait pour quelque bon hasard.
Un ruisseau se rencontre, et pour pont une planche :
Deux belettes à peine auraient passé de front
Sur ce pont ;
D'ailleurs l'onde rapide et le ruisseau profond
Devaient faire trembler de peur ces amazones.
Malgré tant de dangers, l'une de ces personnes
Pose un pied sur la planche, et l'autre en fait autant.
Je m'imagine voir avec Louis le Grand

Hai con Dê cái

Khi nào dê đã ăn no,
Thì dê hay thích tự-do chơi bời.
Đi tìm những chốn xa khơi,
Những vùng khuất nẻo, những nơi vắng người,
Núi cao cây cỏ tốt tươi ;
Dưới khe sâu thẳm, đá đôi ba hòn.
Các cô đến đó nhảy bon,
Chẳng ai ngăn được dê non chạy quàng.
Một hôm Dê cái hai nàng,
No - nê bỏ nội cỏ vàng đi dong.
Hai bên bờ suối nước trong,
Tình-cờ đâu lại đi cùng tới bên.
Có cầu nho - nhỏ bắc trên,
Đôi cây họa mới đi len nhau vừa.
Dưới khe dòng nước chảy bừa,
Đứng trên nom xuống nghĩ mà ghê thay !
Dịp cầu tấm ván lung-lay,
VẬY mà dê nọ bước ngay một đầu.
Dê kia nào có hải đầu,
Đưa chân cũng bước đầu cầu bên kia.
Thoát coi nào-có khác chi,
Vua Pha-nho với vua Louis hội-đồng.
Hai nàng bước một thong-dong,
Giữa cầu thoát đã đi cùng tới nơi.

Philippe Quatre qui s'avance
 Dans l'île de la Conférence.
 Ainsi s'avançaient pas à pas,
 Nez à nez, nos aventurières,
 Qui, toutes deux étant fort fières,
 Vers le milieu du pont ne se voulurent pas
 L'une à l'autre céder. Elle avaient la gloire
 De compter dans leur race, à ce que dit l'histoire,
 L'une certaine chèvre au mérite sans pair
 Dont Polyphème fit présent à Galathée,
 Et l'autre la chèvre Amalthée,
 Par qui fut nourri Jupiter.
 Faut de reculer, leur chute fut commune ;
 Toutes deux tombèrent dans l'eau.
 Cet accident n'est pas nouveau
 Dans le chemin de la Fortune.



Le Soleil et les Grenouilles

Aux noces d'un tyran tout le peuple en liesse
 Noyait son souci dans les pots.
 Ésope seul trouvait que les gens étaient sots
 De témoigner tant d'allégresse.
 — Le soleil, disait-il, eut dessein autrefois
 De songer à l'hyménée.
 Aussitôt on ouït d'une commune voix
 Se plaindre de leur destinée
 Les citoyennes des étangs.
 « Que ferons-nous s'il lui vient des enfants ?

Kiều - căng ai lại nhường ai
Cũng nòi đáo - đẽ, cũng vai anh - hùng.

Cô này cậy cháu nhà tông,
Đê nhà *Bách-lý* là ông sáu đời.

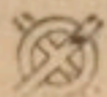
Con dòng cháu giống phải chơi!
Cô kia khi ấy tức thời nghĩ ra :

Tổ - tiên ngũ - đại nhà ta,
Là đê *Tô-vũ* ông cha kể - truyền.

Cũng là cháu phượng con tiên,
Hai cô cùng rấn bước lên nhịp cầu.

Nào ai nhường bước ai đâu ;
Ganh nhau cho đến đâm đầu xuống khe.

Câu này chẳng những chuyện đê,
Bước đường danh-lợi người đi cũng dường.



Mặt-trời và loài ếch

Vua ngược - ác một hôm lấy vợ,
Cả bàn dân mắng rõ yển diên.

Duy *Ê-dốp* bảo là diên :

Ô hay ! lũ ngốc tự nhiên mắng xằng !

Bèn đem truyện kể rằng : Khi trước,
Vùng *Thái-dương* muốn rước dâu về.

Chuôm ao ếch nhái sợ mê,

Ính tai chẳng - chuộc, trong khe dưới ngòi :

— Than ôi ! nếu Mặt-trời sinh đẽ,
Ếch nhái ta hồ đẽ ở yên

« Dirent-elles au Sort, un seul soleil à peine
 « Se peut souffrir : une demi-douzaine
 « Mettra la mer à sec et tous ses habitants.
 « Adieu juncs et marais : notre race est détruite.
 « Bientôt on la verra réduite
 « A l'eau du Styx ». Pour un pauvre animal,
 Grenouilles, à mon sens, ne raisonnaient pas mal.



Le Lion, le Loup et le Renard

Un Lion décrépît, goutteux, n'en pouvant plus,
 Voulait que l'on trouvât remède à la vieillesse.
 Alléguer l'impossible aux rois, c'est un abus.
 Celui-ci parmi chaque espèce
 Manda des médecins : il en est de tous arts.
 Médecins au Lion viennent de toutes parts ;
 De tous côtés lui vient des donneurs de recettes.
 Dans les visites qui sont faites,
 Le Renard se dispense, et se tient clos et coi.
 Le loup en fait sa cour, daube, au coucher du roi
 Son camarade absent : le prince tout à l'heure
 Veut qu'on aille enfumer Renard dans sa demeure,
 Qu'on le fasse venir. Il vient, est présenté,
 Et, sachant que le Loup lui faisait cette affaire :
 « Je crains, Sire, dit-il, qu'un rapport peu sincère
 Ne m'ait à mépris imputé

Một Mặt-trời đã nóng điên,
 Ví bằng nửa tá bề liền cạn khô.
 Cá và ếch biết vô đâu ở ?
 Cói với lau biết nở nơi nao ?
 Loài ta biết tính thế nào ?
 Nước-nôi khô ráo, sống sao phen này ?
 Lời nói phải mà hay đáo đề !
 Ếch khôn-ngoan người để đã tây.



Con Sur-tử, con Lang và con Hồ

Sur-tử sọm lại đau phong-thấp,
 Muốn tìm thầy cứu-cấp bệnh già.
 Lệnh vua đã tỏ ý ra,
 Dẫu làm chẳng được ai mà từ nan.
 Vua Sur-tử phán troàn các giống,
 Kén lương-y đem cống tại triều.
 Thôi thì cầm - thú bao nhiêu,
 Thợ thầy đã lắm, lại nhiều thuốc thiêng.
 Duy Hồ xác dám kiêng không đến ;
 Ở lý nhà một chuyến mà chơi !
 Lang ta hiển nịnh tức thời,
 Quì tâu Hồ nọ mệnh Trời dám sai.
 Sur-tử thoát nghe bài sớ tấu,
 Con giận đâu nổi ngậ ngay lên :
 — Bá quan vâng thừa lệnh truyền :
 Nã Hồ đem đến Ngự-tiền mau đây !

D'avoir différé cet hommage :
Mais j'étais en pèlerinage,
Et m'acquittais d'un vœu fait pour votre santé.
Même j'ai vu dans mon voyage
Gens experts et savants, leur ai dit la langueur
Dont Votre Majesté craint à bon droit la suite.
Vous ne manquez que de chaleur :
Le long âge en vous l'a détruite.
D'un loup écorché vif appliquez-vous la peau
Toute chaude et toute fumante ;
Le secret sans doute en est beau
Pour la nature défaillante.
Messire Loup vous servira,
S'il vous plaît, de robe de chambre. »
Le roi goûte cet avis-là :
On écorche, on taille, on démembre
Messire Loup. Le monarque en soupa,
Et de sa peau s'enveloppa.

Mesieurs les courtisans, cessez de vous détruire :
Faites, si vous pouvez, votre cour sans vous nuire.
La mal se rend chez vous au quadruple du bien.
Les daubeurs ont leur tour, d'une ou d'autre manière :
Vous êtes dans une carrière
Où l'on ne se pardonne rien.

Hồ biết ý, nghĩ ngay chước cái :

« Dạ ! Muôn tâu Quảng-Đại Cao-Minh.

Hạ-thần quả thị oan tình,
 Vốn đương tìm chốn anh-linh khẩn-cầu,
 Nên chưa kịp vào châu trước Điện.
 Nay mới về xin hiến phương hay.

Hạ-thần may đã gặp thầy,
 Dạy rằng thánh-thể bệnh này dễ yên.

Kém chân Hỏa là tên trong sách ;
 Vị tuổi già, huyết mạch khí suy.

Bây giờ họa có lang-bì,
 Dùng làm áo phủ tức thì bệnh yên.

Lang-thần muốn ghi tên trong sử,
 Nghĩa vua tôi nên giữ phen này.

Thôi thì da nọ lột ngay,
 Cho đòi phùng-tượng vào may áo liền. »
 Phương thuốc lạ, Ngự khen Hồ giỏi,
 Truyền :

— Bá quan, đem trói Lang-thần.

Thịt kia nướng chả Trăm ăn ;
 Da kia, may áo làm chăn Trăm năm.

Nghĩ câu chuyện nên ngâm mãi mãi,
 Bọn nịnh-thần chớ hại lẫn nhau
 Nịnh mà hưởng phúc dễ đâu
 Nịnh mà nên họa là câu nói thường.

Ai ôi ! nên biết thương nhau mấy :
 Kẻ gièm-pha chớ cậy chi mình !

Lạ gì những thói triều-dình.

La Mort et le Bûcheron

Un pauvre bûcheron, tout couvert de ramée,
Sous le faix du fagot aussi bien que des ans
Gémissant et courbé, marchait à pas pesants,
Et tâchait de gagner sa chaumine enfumée.
Enfin, n'en pouvant plus d'effort et de douleur,
Il met bas son fagot, il songe à son malheur.
« Quel plaisir a-t-il eu depuis qu'il est au monde ?
En est-il un plus pauvre en la machine ronde ?
Point de pain quelquefois, et jamais de repos. »
Sa femme, ses enfants, les soldats, les impôts,

Le créancier, et la corvée,
Lui font d'un malheureux la peinture achevée.
Il appelle la Mort ; elle vient sans tarder,

Lui demande ce qu'il faut faire.

« C'est, dit-il, afin de m'aider
A recharger ce bois ; tu ne tarderas guère. »

Le trépas vient tout guérir ;

Mais ne bougeons d'où nous sommes :

Plutôt souffrir que mourir,

C'est la devise des hommes.

Thần chết và lão tiều-phu

Lão tiều vác củi cảnh một bó,
 Củi đã nhiều, niên số lại cao,
 Lắc-lè chân đá chân xiêu,
 Lom - khom về chốn thảo-mao khói mù.
 Tủi thân phận, kỳ-khu khó nhọc,
 Đặt bó sài ở dọc lối đi.

Tham rằng :

— Sung-sướng nỗi gì,
 Khấp trong thế-giới ai thì khở hơn ?
 Bữa no đói luôn cơn buồn - bã ;
 Vợ nào con vất-vả trăm chiều,
 Hết thuế lính lại thuế sưu,
 Quanh năm khách nợ còn điều gì vinh ?
 Hỡi thần Chết thương tình chẳng tá,
 Đến lôi đi cho đã một đời.

Chết đâu dẫn lại tức thời,
 Hỏi : -- Già khi nầy kêu vời lão chi ?

Lão-tiều thấy cơ nguy cuống sợ :
 — Nhờ tay ngài nhắc đỡ lên vai.

Thơ rằng :

Đành chết là hết nợ,
 Sao mà ai cũng sợ ?
 Mới hay bụng thế-gian :
 « Khở mà sống còn hơn ! »

La Fille

Certaine fille un peu trop fière
 Prétendait trouver un mari
 Jeune, bien fait et beau, d'agréable manière,
 Point froid et point jaloux : notez ces deux points-ci.
 Cette fille voulait aussi
 Qu'il eût du bien, de la naissance,
 De l'esprit, enfin tout ; mais qui peut tout avoir ?
 Le destin se montra soigneux de la pourvoir :
 Il vint des partis d'importance.
 La belle les trouva trop chétifs de moitié.
 « Quoi ! moi ? quoi ! ces gens-là ? L'on radote, je pense.
 A moi les proposer ! Hélas ! il font pitié.
 Voyez un peu la belle espèce ! »
 L'un n'avait en l'esprit nulle délicatesse ;
 L'autre avait le nez fait de cette façon-là ;
 C'était ceci, c'était cela,
 C'était tout ; car les précieuses
 Font dessus tout les dédaigneuses.
 Après les bons partis, les médiocres gens
 Vinrent se mettre sur les rangs.
 Elle de se moquer. « Ah ! vraiment, je suis bonne
 De leur ouvrir la porte : ils pensent que je suis
 Fort en peine de ma personne.
 Grâce à Dieu, je passe les nuits
 Sans chagrin, quoique en solitude. »
 La belle se sut gré de tous ces sentiments.

Già kén kẹn hom

Cô ả nọ, làm cao khí quá,
 Định kén chồng được gã giỏi trai,
 Có mầu, có vẻ, có tài;
 Chẳng ghen cũng chẳng như ai lạnh-lùng.
 Lại còn muốn con rông cháu phượng;
 Cửa rõ nhiều sung-sướng nhưt đời;
 Tài-hoa, học-thức tuyệt vời,
 Trăm hay muốn cả. Nhưng ai tốt đều?
 Ông trời nọ cũng chiều nét khó,
 Lại xui nên vô-số kẻ dòm.
 Nhưng ai cô cũng chê om:
 Góm người thế ấy dám dòm đến ta!
 Anh kia đã chê là cục-kịch;
 Anh này thì mũi lệch khó coi;
 Thế này, thế nọ, lời thôi,
 Thôi thì chẳng thiếu chi lời bẻ-bai.
 Ngắm gái hóm ra ai cũng vậy,
 Ai cũng rằng:
 — Đờ bậy ra gì?
 Đám hay hết thấy đuổi đi,
 Rồi ra đến bọn xằng-xì đưa tin.
 Mối cô ả tớn lên càng dữ,
 Biết bọn này mở cửa làm chi?
 Quân này thường dễ có khi,
 Tưởng ta ể muộn, lỡ thì chi đây!
 Nhờ trời phó gái này can-dảm,
 Dầu riêng chẵn cũng cảm tấm lòng;

L'âge la fit déchoir ; adieu tous les amants.
 Un an se passe, et deux, avec inquiétude.
 Le chagrin vient ensuite : elle sent chaque jour
 Déloger quelques ris, quelques jeux, puis l'amour ;
 Puis ses traits choquer et déplaire ;
 Puis cent sortes de fards. Ses soins ne purent faire
 Qu'elle échappât au Temps, cet insigne larron.
 Les ruines d'une maison
 Se peuvent réparer : que n'est cet avantage
 Pour les ruines du visage !
 Sa préciosité changea lors de langage.
 Son miroir lui disait : « Prenez vite un mari. »
 Je ne sais quel désir le lui disait aussi :
 Le désir peut loger chez une précieuse.
 Celle-ci fit un choix qu'on n'aurait jamais cru,
 Se trouvant à la fin tout aise et tout heureuse
 De rencontrer un malotru.

Le Lion devenu vieux

Le Lion, terreur des forêts,
 Chargé d'ans et pleurant son antique prouesse,
 Fut enfin attaqué par ses propres sujets,
 Devenus forts par sa faiblesse.
 Le cheval s'approchant lui donne un coup de pied,

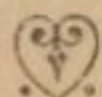
Khăng khăng một dạ năm không,
 Cái già sồng-sộc thoát trông thấy gần.
 Thì chẳng mãnh bước chân vào cửa;
 Một vài năm thêm nữa mới phiền.
 Một ngày thấy một hết duyên.
 Tóc xanh môi thắm tự nhiên phai dần.
 Đem gương ngắm lần-thần thấy kém,
 Lấy phấn son tô-điểm mãi vào.
 Thì ra duyên hết từ bao,
 Tháng ngày đã cướp lúc nào không hay.
 Nhà kia đồ còn tay thợ chữa,
 Má này nheo biết sửa làm sao?
 Bấy giờ cái hòm bột cao,
 Hỏi gương, gương mắng: làm sao chưa chồng?
 Hỏi đến lòng thì lòng cũng giục:
 Hòm đến đâu chẳng lúc ngựa nghê.
 Ắ ta tần-mẩn lê-mê,
 Thì ra tính cũ hay chê bột rồi,
 Vớ ngay một bác đồ tồi.



Sư-tử về già.

Sư-tử trên rừng ai chẳng sợ;
 Lúc tuổi già ngồi nhớ oai xưa.
 Khóc than thân phận già nua:
 Vì chúng ta yếu bây giờ chúng khinh.
 Con ngựa đến đá mình một móng;
 Chỗ rừng vào há họng cắn chơi;

Le loup un coup de dent, le bœuf un coup de corne.
 Le malheureux Lion, languissant, triste et morne,
 Peut à peine rugir, par l'âge estropié.
 Il attend son destin, sans faire aucunes plaintes,
 Quand, voyant l'âne même à son antre accourir :
 « Ah ! c'est trop, lui dit-il : je voulais bien mourir ;
 Mais c'est mourir deux fois que souffrir tes atteintes. »



L'homme entre deux âges et ses deux maitresses

Un homme de moyen âge,
 Et tirant sur le grison,
 Jugea qu'il était saison
 De songer au mariage.
 Il avait du comptant,
 Et partant

De quoi choisir. Toutes voulàient lui plaire ;
 En quoi notre amoureux ne se pressait pas tant.

Bien adresser n'est pas petite affaire.

Deux veuves sur son cœur eurent le plus de part :

L'une encor verte, et l'autre un peu bien mûre,

Mais qui réparait par son art

Còn bò đến húc, Trời ơi !
 Muốn gặm một tiếng, hết hơi mất rồi.
 Sư râu-rĩ dành ngồi thúc-thủ,
 Thôi cũng đành đợi số cho xong,
 Thân tàn chết cũng cam lòng.
 Con lừa đâu cũng vô trong hang mình.
 Sư-tử thế làm thình chẳng được,
 Than :

— Thế này đã nhuốc hay chưa !
 Sống mà chịu tủi với lừa,
 Chết đi chết lại cũng như khác gì !



Anh chàng đứng tuổi với hai chị nhân - ngãi

Anh chàng nọ tuổi đã đứng trạc,
 Trên mái đầu tóc bạc hoa râm.
 Bảy giờ bụng mới nghĩ thăm :
 Nếu không vợ mãi đêm nằm với ai ?
 Trong tay gã tiền tài cũng lắm,
 Kẻ lãn lưng mớ-năm thiếu gì.
 Này tương-thức, nọ tương-tri,
 Ai không săn-sóc, hẳn thì mần thình.
 Việc kén vợ phân-minh là phải.
 Trong mấy người đi lại chạ-chung,
 Có hai chị ả góa chồng,
 Xem trong ý gã ra lòng yêu thương.



Ce qu'avait détruit la nature.
 Ces deux veuves en badinant,
 En riant, en lui faisant fête,
 L'allaient quelquefois testonnant,
 C'est-à-dire ajustant sa tête.

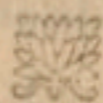
La vieille à tous moments de sa part emportait
 Un peu du poil noir qui restait,
 Afin que son amant en fût plus à sa guise.

La jeune saccageait les poils blancs à son tour.
 Toutes deux firent tant que notre tête grise
 Demeura sans cheveux, et se douta du tour.

« Je vous rends, leur dit-il, mille grâces, les belles,
 Qui m'avez si bien tondu ;
 J'ai plus gagné que perdu :
 Car d'hymen, point de nouvelles.

Celle que je prendrais voudrait qu'à sa façon
 Je vécusse et non à la mienne.
 Il n'est tête chauve qui tienne :

Je vous suis obligé, belles, de la leçon. »



La cour du Lion

Sa Majesté Lionne un jour voulut connaître
 De quelles nations le Ciel l'avait fait maître.

Il manda donc par députés
 Ses vassaux de toute nature,
 Envoyant de tous les côtés
 Une circulaire écriture

Một thím nọ xuân đương vừa độ ;
 Còn thím kia thì *mô* mất rồi,
 Nhưng mà son phấn khéo nhồi,
 Phai đâu tô đó coi người cũng xinh.
 Trong những lúc mặn tình gần-gụi,
 Ắt đua nhau sửa búi củ-hành.

Tóc râm còn mấy đám xanh,
 Nàng thì nhổ tuột cho nhanh bao giờ.

Còn tóc bạc phơ-phơ trên mái,
 Thì nàng kia cũng lại nhổ phăng,
 Để cho dũa lệch hóa bằng,
 Bỗng dựng có tóc ra thẳng trụi-trơn.

Chàng biết ý nổi cơn tức giận.

Đoan-quyết ngay từ bận này chừa :

— Thôi thôi đừng khéo ỡm-ò !

Tôi can các chị đừng vờ thương-yêu.

Đây đã trải bấy nhiêu ý-tứ,

Đã biết đường cư-xử các bà.

Đành rằng không vợ đến già,

Đầu này dẫu trụi nhưng đã biết khôn.



Triều-đình vua Su-tử

Một ngày kia, Mãnh-sur Hoàng-dế

Muốn thử xem quyền thế tây bao,

Bèn vời bách - thú lâm trào ;

Mỗi loài phái một viên vào Long-cung.

Sắc vàng tống đi cùng một đạo,

Đóng ấn son Quốc-bảo rõ ràng.

Avec son sceau. L'écrit portait
Qu'un mois durant le roi tiendrait
Cour plénière, dont l'ouverture
Devait être un fort grand festin,
Suivi des tours de Fagotin.
Par ce trait de magnificence
Le prince à ses sujets étalait sa puissance.
En son Louvre il les invita.
Quel Louvre ! un vrai charnier, dont l'odeur se porta
D'abord au nez des gens. L'ours boucha sa narine.
Il se fût bien passé de faire cette mine.
Sa grimace déplut. Le monarque irrité
L'envoya chez Pluton faire le dégoûté.
Le singe approuva fort cette sévérité,
Et, flatteur excessif, il loua la colère
Et la griffe du prince, et l'ancre, et cette odeur :
Il n'était ambre, il n'était fleur,
Qui ne fût ail au prix. Sa sottise flatterie
Eut un mauvais succès, et fut encor punie,
Ce monseigneur du lion-là
Fut parent de Caligula.
Le renard étant proche : « Or çà, lui dit le sire,
Que sens-tu ? dis-le moi. Parle sans déguiser. »
L'autre aussitôt de s'excuser,
Alléguant un grand rhume : il ne pouvait que dire
Sans odorat. Bref il s'en tire.

Chiều rằm suốt một tháng trăng,
Hội bàn trước chốn Ngai - vàng liên - miên.

Lúc mở hội khai diên tứ yến,
Có phùng tuồng nhân tiện làm trò.

Mãnh - sư có ý làm to,
Đề đem quyền - thế mà phô chư - hầu.

Truyền hội - nghị ở lầu Ngũ - Phụng ;
Nhưng thịt xương lũng - củng bốn bề,

Sức nồng hôi-hám gớm - ghê ;
Gấu kia bụng mũi dường ché nặng mùi.

Ngự hiểu ý, giận sôi sùng-sục,
Cho xuống ngay Địa - ngục mà ché.

Khỉ kia hiển-nịnh tức thì :

— Muôn tâu Thiên-thảo cực-kỳ công-minh.
Khen móng nhọn, khen dinh thơm phức,
Trăm thức hoa, hương nức không bằng.

Ngờ đâu lời nịnh tán xằng,
Mãnh - sư lại giận giết phăng khỉ già,
Vua Sư - tử thực là phạm - phũ,
Hắn cũng dòng Kiệt, Trụ chi đây.

Lại gần chó Sói hỏi ngay :

— Mùi gì tâu thực Trẫm hay thử nào.
Sói đại-thần trí-cao khéo chối.

Cúi tâu :

— Thần ngạt mũi thấy chi !
Khôn - ngoan nên chẳng can gì.
Chuyện hay đã dạy, nên ghi vào lòng.

Ceci vous sert d'enseignement.

Ne soyez à la cour, si vous voulez y plaire,
Ni fade adulateur, ni parleur trop sincère,
Et tâchez quelquefois de répondre en Normand.

L'Oiseau blessé d'une flèche

Mortellement atteint d'une flèche empennée,
Un oiseau déplorait sa triste destinée,
Et disait, en souffrant un surcroît de douleur :

« Faut-il contribuer à son propre malheur !

Cruels humains, vous tirez de nos ailes
De quoi faire voler ces machines mortelles !
Mais ne vous moquez point, engeance sans pitié :
Souvent il vous arrive un sort comme le nôtre.
Des enfants de Japet toujours une moitié
Fournira des armes à l'autre. »



Le Vieillard et les trois Jeunes Hommes

Un octogénaire plantait.

« Passe encor de bâtir ; mais planter à cet âge !
Disaient trois jouvenceaux, enfants du voisinage ;
Assurément il radotait.

Car, au nom des Dieux, je vous prie,

Ai muốn vững Triều - trung quyền - chức,
 Nịnh không nên, cương - trực cũng đừng;
 Cứ làm ra mặt người rùng.



Con Chim phải tên

Con Chim nọ phải tên gần chết,
 Than mấy câu giải hết nỗi - niềm.

Nói ra thêm nảo thêm phiền:
 Giết chim lại bởi lông chim lạ - lùng!
 Trách nhân - loại lòng hung dạ độc,
 Nhỡ cánh này làm đốc tên kia.

Nhưng loài bất-đức hợm chi,
 Vạ này hẳn cũng có khi vào mình.

Xem trong đám sinh - linh đồng loại,
 Cũng cánh này làm hại cánh kia!



Ông Cự già và ba người Trai-trẻ

Cụ tám - mươi dương trồng cây cối,
 Có ba chàng trẻ tuổi cười rằng:

— Làm nhà họa có nên chăng;

Trồng cây thì thật lỗ-lãng, lẩn rồi!

Khoan đã! cụ già ơi, con hỏi.

Quả ai ăn, cụ nói con hay?

Quel fruit de ce labeur pouvez-vous recueillir ?
 Autant qu'un patriarche il vous faudrait vieillir.

A quoi bon charger votre vie
 Des soins d'un avenir qui n'est pas fait pour vous ?
 Ne songez désormais qu'à vos erreurs passées ;
 Quittez le long espoir et les vastes pensées :

Tout cela ne convient qu'à nous.

— Il ne convient pas à vous-mêmes,
 Repartit le Vieillard. Tout établissement
 Vient tard et dure peu. La main des Parques blêmes
 De vos jours et des miens se joue également.

Nos termes sont pareils par leur courte durée.
 Qui de nous des clartés de la voûte azurée
 Doit jouir le dernier ? Est-il aucun moment
 Qui vous puisse assurer d'un second seulement ?
 Mes arrière-neveux me devront cet ombrage :

Eh bien ! défendez-vous au sage
 De se donner des soins pour le plaisir d'autrui ?
 Cela même est un fruit que je goûte aujourd'hui :
 J'en puis jouir demain, et quelques jours encore ;
 Je puis enfin compter l'aurore
 Plus d'une fois sur vos tombeaux. »

Le Vieillard eut raison : l'un des trois jouvenceaux

Họa may Bành-tồ lên đây,
Chứ như đại-lão, phỏng ngày còn bao!
Làm chi thế công-lao cho uổng.
Thóc người ăn, cày ruộng hơi đâu!
Thôi thôi, cụ bảy tuổi đầu
Chi bằng ngồi khênh vượt râu ngấm đời;
Hối những sự lầm sai thuở nhỏ
Còn ước xa đã có chúng tôi.

Rằng :

— Con cũng quá buổi rồi.

Phàm chung muôn việc của người làm ra
Kiên-nhẫn khó xong mà dễ hỏng.
Cái chết đâu vẫn ngóng bên ngoài.
Thọ là ai, yếu là ai ?
Lão già, con trẻ vẫn dài khác chi.
Nào đã biết ai đi tới đó ?
Bóng hào-quang ai ngó sau cùng.
Sớm còn tối mất lẽ chung,
Vững gì cái mạng mà mong lâu dài.
Bóng cây này dấu ai nghĩ mát,
Con cháu nhà có thoát đi đâu.
Như già có chí lo sau,
Cháu con ăn quả về lâu thiệt gì.
Ngấm cái sương phúc di vạn đại,
Ấy cũng là lão hái quả rồi.
Quý hồ còn sống ít hồi,
Một ngày là một được ngồi hưởng vui.
Cũng có lẽ Trời xui hiểm-hóc,
Trên mồ bay, Ác mọc lão nom.

Se noya dès le port, allant à l'Amérique ;
L'autre, afin de monter aux grandes dignités,
Dans les emplois de Mars servant la République,
Par un coup imprévu vit ses jours emportés ;
Le troisième tomba d'un arbre
Que lui-même il voulut enter ;
Et, pleurés du Vieillard, il grava sur leur marbre
Ce que je viens de raconter.



Cụ già khéo nói chính môm :
Một chàng qua bến, ngã tòm xuống sông.
Còn một cậu lập công với nước,
Phải đầu tên mũi mác chết toi.
Cậu ba nhân lúc thư rồi,
Leo cây chiết giống sầy rơi vỡ đầu.
Cụ già nghĩ đến câu chuyện thế,
Khắc phiến bia mà đề trên mồ,
Gọi là một tiếng Ô - hô !

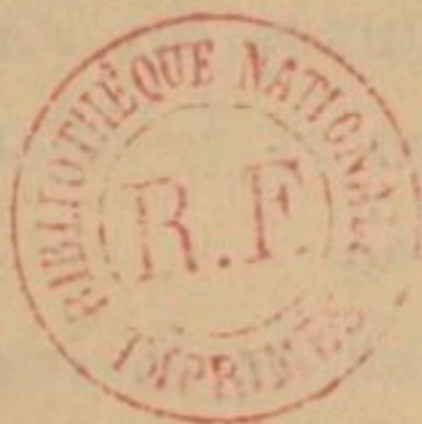


TABLE DES MATIÈRES

	Pages
La Cigale et la Fourmi	6
Le petit Poisson et le Pêcheur	8
Le Loup et le Chien.	10
Le Loup et le chien maigre	14
L'âne vêtu de la peau du Lion	16
La grenouille qui veut se faire aussi grosse que le bœuf	18
Le Loup et la Cigogne	20
La poule aux œufs d'or	22
Les Voleurs et L'âne	22
Le Lièvre et la Tortue	24
Le Coq et le Renard	26
Le Geai pare des plumes du Paon	30
Le Cochon, la Chèvre et le Mouton	30
L'âne et le petit Chien	34
Le Cochet, le Chat et le Souriceau	36
Le Renard et les raisins	40
La laitière et le pot au lait	40
Les deux Mulets	44
La Génisse, la Chèvre et la Brebis en société avec le Lion	46
La chauve souris et les deux Belettes	50
L'âne portant des reliques.	54
Le vieux chat et la jeune souris.	54
L'ours et les deux compagnons	56

MỤC LỤC

Bài	Trang
Tiểu-sử ông La Fontaine	3
Mấy lời của dịch-giả	4
Con Ve và con Kiến	7
Con cá nhỏ và người đánh cá	9
Chó rùng và chó giữ nhà	11
Chó rùng và chó giữ nhà còm	15
Con Lừa đội lốt Sư-tử	17
Con Nhái muốn to bằng con Bò	19
Con chó Rùng và con Cò	21
Con Gà đẻ trứng vàng	23
Hai thằng ăn trộm với con Lừa	23
Con Thỏ và con Rùa	25
Con Gà-trống và con Hồ-ly	27
Sáo mượn lông Công	31
Con Lợn, con Dê-cái và con Cừu	31
Con Lừa và con Chó-con	35
Con Chuột-nhất, con Mèo và con Gà-trống non	37
Chó Sói và Giàn-nho	41
Truyện cô hàng sữa	41
Hai con Lạ	45
Bò cái, Dê cái, Cừu cái lập hội với Sư-Tử	47
Con Sư-tử và con Muối - mắt	49
Con dơi và hai con Cây	51
Con Lừa mang hòm sắc	55
Con mèo già và con Chuột nhất	55

II

	Pages
Le Lion abattu par l'homme	60
Le Renard et des Poulets d'inde.	62
Le chien à qui on a coupé les oreilles	64
Le trésor et les deux hommes.	66
Les médecins	68
Conseil tenu par les rats	70
L'huitre et les plaideurs.	72
Les animaux malades de la peste	74
Le Renard et le Buste.	80
Les deux chèvres.	82
Le Soleil et les grenouilles	84
Le Lion, le Loup et le Renard.	86
La mort et le bucheron	90
La fille.	92
Le Lion devenu vieux	94
L'homme entre deux âges et ses deux maitresses	96
La cour du Lion.	98
L'oiseau blessé d'une flèche.	102
Le vieillard et les trois jeunes hommes	102

III

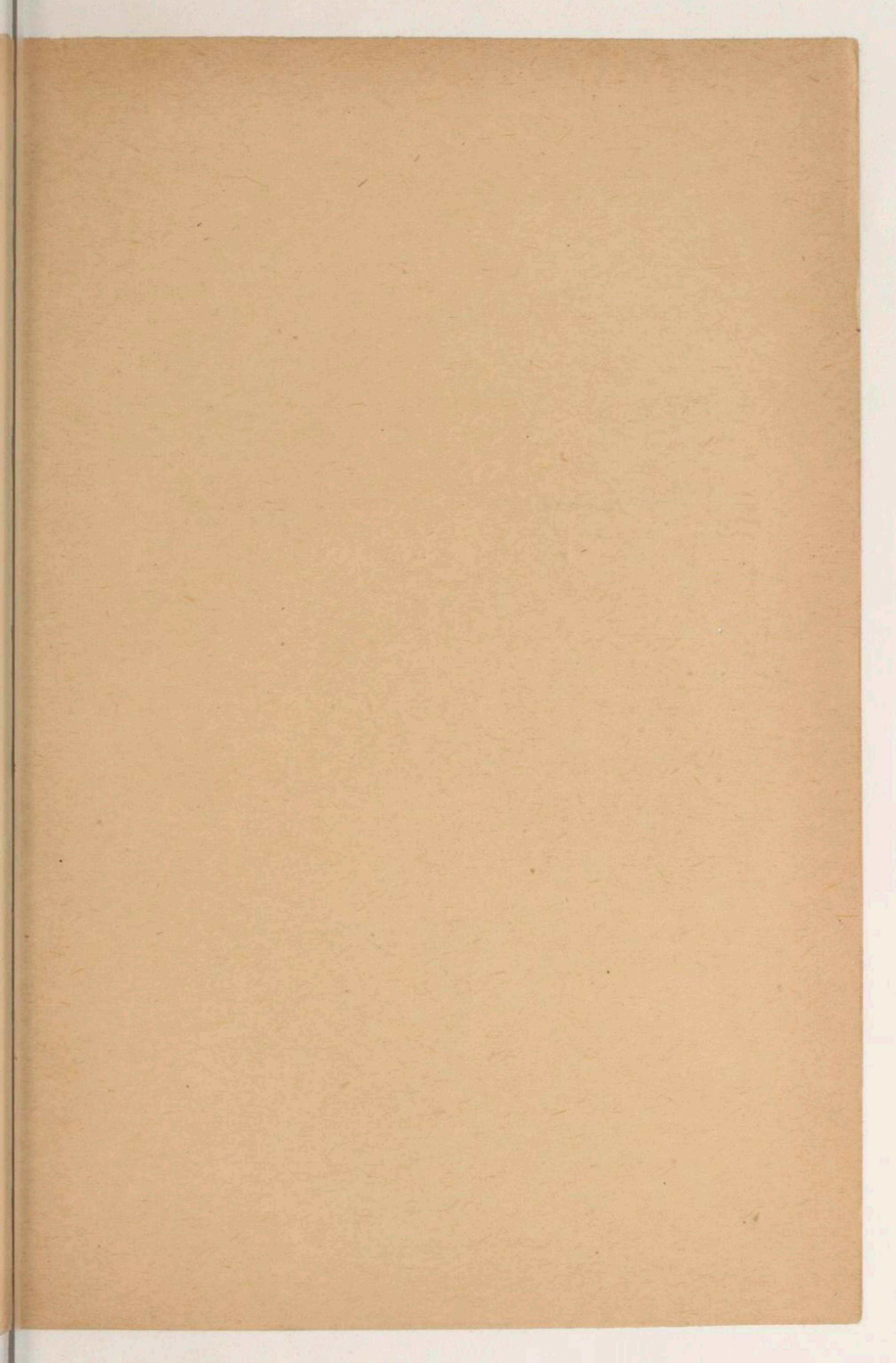
Bài	Trang
Con Gấu và hai bác lái	57
Người giết cọp	61
Con chó Sói và đàn Gà tây	63
Con Chó bị chủ xẻo tai	65
Đống của với hai người.	67
Các thầy Lang	69
Hội đồng Chuột	71
Hai người tranh nhau con Sò.	73
Các loài vật phải bệnh Dịch-hạch.	75
Chó Sói với bức tượng	81
Hai con Dê-cái	83
Mặt Trời và loàiẾch	85
Con Sư-tử con Lang và con Hồ	87
Thần Chết và lão Tiểu-phu	91
Già kén kẹn hom.	93
Sư-tử về già.	95
Anh chàng đứng tuổi với hai chị nhân-ngãi	97
Triều - đình vua Sư-tử.	100
Con Chim phải tên	103
Ông cụ già và ba người Trai-trẻ.	103



Trang
57
61
63
65
67
69
71
73
75
81
83
85
87
91
93
95
97
100
103
105

SÁCH NÀY IN XONG
NGÀY 1 - 10 - 1951
TẠI NHÀ VĨNH-THỊNH
63, Lò sũ — HÀ-NỘI





CÁCH ĐẶT CÂU

Sách học văn-phạm của người Việt-Nam
chỉ biết tiếng Việt-Nam
của NGUYỄN-GIANG

(Giá: 15đ)

*Một công-trình đặt những quy-cử đầu tiên cho sự
dạy Việt - ngữ rất khác với sự dạy Việt - văn*

Giấy phép số 1169 ngày 1-10-51
Cấp bởi H.D.K.D.B.V.

Giá : Bắc Việt 12\$
Ngoài B.V. 14\$